

Số: 355/QĐ-ĐHKTL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
học kỳ 2 năm học 2021 – 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24/03/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 05/04/2010 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành quy định thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các trường đại học thành viên trong ĐHQG-HCM;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1174/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 23/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 07/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định xét cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 452/QĐ-ĐHKTL-CTSV ngày 18/06/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định xét cấp học bổng sinh viên, học viên Trường Đại học Kinh tế - Luật;

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-ĐHKTL ngày 25/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân chất lượng cao trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-ĐHKTL ngày 03/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc ban hành quy định đào tạo cử nhân tài năng hệ đại học chính quy giai đoạn 2018-2022;

Căn cứ Quyết định số 1768/QĐ-ĐHKTL ngày 05/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Luật về việc thành lập Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2021-2022;

CA



Căn cứ Thông báo số 38/TB-ĐHKTL ngày 11/7/2022 về Kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét Học bổng khuyến khích học tập năm học 2021-2022;

Theo kết luận của Hội đồng xét học bổng khuyến khích học tập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách sinh viên hệ đại học chính quy được hưởng học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 như sau:

- Lớp đại trà	305 SV
- Lớp Chất lượng cao:	463 SV
- Lớp Chất lượng cao bằng tiếng Anh:	134 SV
- Lớp Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp:	05 SV
Tổng cộng:	907 SV

(Danh sách và mức học bổng kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Tài chính, phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, các Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TS&CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP ĐẠI TRÀ)**

Ban hành kèm Quyết định số 355/QĐ-ĐHKTL ngày 27 tháng 3 năm 2023

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K194010037	Trần Thị Quỳnh	Như	K19401	Giỏi	8.94	92	18	6,140,000
2	K194010050	Phạm Thị Thu	Thảo	K19401	Giỏi	8.9	96	15	6,140,000
3	K194010043	Trần Trúc	Quỳnh	K19401	Giỏi	8.9	85	15	6,140,000
4	K194010007	Hồ Huy Quốc	Cường	K19401	Giỏi	8.86	94	21	6,140,000
5	K194010048	Nguyễn Quốc	Thành	K19401	Giỏi	8.86	88	18	6,140,000
6	K194010015	Nguyễn Thị	Hằng	K19401	Giỏi	8.83	92	18	6,140,000
7	K194020153	Lê Thị Khánh	Ly	K19402	Xuất sắc	9	90	16	6,755,000
8	K194020135	Lê Hoàng Thu	Hà	K19402	Giỏi	8.72	80	16	6,140,000
9	K194020184	Lê Vũ Huyền	Trang	K19402	Giỏi	8.56	88	16	6,140,000
10	K194020147	Trần Anh Lan	Hữu	K19402	Giỏi	8.47	80	16	6,140,000
11	K194020134	Đặng Hương	Giang	K19402	Giỏi	8.36	93	18	6,140,000
12	K194020196	Trương Nghinh	Xuân	K19402	Giỏi	8.33	89	15	6,140,000
13	K194030278	Trần Hồ Phương	An	K19403	Giỏi	8.18	82	19	6,140,000
14	K194030282	Hà Thị	Duyên	K19403	Khá	7.97	91	19	5,580,000
15	K194030304	Phan Thị Hạnh	Nguyên	K19403	Khá	7.91	92	17	5,580,000
16	K194030329	Tôn Ngọc Bảo	Trân	K19403	Khá	7.85	92	20	5,580,000
17	K194030291	Hồ Thị Thanh	Huyền	K19403	Khá	7.76	81	17	5,580,000
18	K194040515	Võ Ngọc Anh	Thư	K19404	Giỏi	9.12	86	17	6,140,000
19	K194040497	Hồng Nguyễn Kim	Ngân	K19404	Giỏi	8.82	91	17	6,140,000
20	K194040475	Lê Thị	Đua	K19404	Giỏi	8.74	85	17	6,140,000
21	K194040519	Trương Thị Mai	Trình	K19404	Giỏi	8.65	85	17	6,140,000
22	K194040490	Hồ Thị Gia	Linh	K19404	Giỏi	8.65	83	17	6,140,000
23	K194040438	Võ Thị Kim	Thoa	K19404	Giỏi	8.6	81	21	6,140,000
24	K194050625	Nguyễn Thị	Hiên	K19405	Xuất sắc	9.12	92	17	6,755,000
25	K194050684	Trương Cẩm	Tú	K19405	Xuất sắc	9.03	94	17	6,755,000
26	K194050655	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	K19405	Giỏi	8.9	81	15	6,140,000
27	K194050641	Võ Thị Diễm	My	K19405	Giỏi	8.68	93	17	6,140,000
28	K194050618	Phạm Kiều	Diễm	K19405	Giỏi	8.68	87	19	6,140,000
29	K194050686	Nguyễn Thị Thu	Uyên	K19405	Giỏi	8.63	82	19	6,140,000
30	K194060809	Dương Phạm Diễm	Quỳnh	K19406	Giỏi	8.95	86	19	6,140,000
31	K194060830	Nguyễn Thị Thùy	Trang	K19406	Giỏi	8.82	87	19	6,140,000
32	K194060825	Trương Thị Thanh	Thư	K19406	Giỏi	8.65	91	17	6,140,000
33	K194060832	Nguyễn Trần Ngọc	Trâm	K19406	Giỏi	8.56	90	17	6,140,000
34	K194060803	Nguyễn Thanh	Phong	K19406	Giỏi	8.53	88	17	6,140,000
35	K194060800	Nguyễn Thị Tố	Nhi	K19406	Giỏi	8.53	88	17	6,140,000
36	K194070933	Trần Tấn	Tài	K19407	Xuất sắc	9.03	99	17	6,755,000
37	K194070923	Lê Hữu Di	Mi	K19407	Giỏi	8.68	87	17	6,140,000
38	K194070919	Nguyễn Thị Khánh	Ly	K19407	Giỏi	8.68	80	17	6,140,000
39	K194070907	Ngô Võ Hồng	Huyền	K19407	Giỏi	8.62	88	17	6,140,000
40	K194070920	Nguyễn Thị Khánh	Ly	K19407	Giỏi	8.62	82	17	6,140,000
41	K194070936	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K19407	Giỏi	8.6	89	20	6,140,000
42	K194081111	Nguyễn Đình Lan	Thuyền	K19408	Giỏi	8.69	86	16	6,140,000

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
43	K194081048	Nguyễn Thị Lan	Anh	K19408	Giỏi	8.69	80	16	6,140,000
44	K194081073	Trần Văn	Hùng	K19408	Giỏi	8.56	94	16	6,140,000
45	K194081122	Lê Hồng	Vân	K19408	Giỏi	8.5	87	16	6,140,000
46	K194081094	Tô Thị Hồng	Nhung	K19408	Giỏi	8.5	80	16	6,140,000
47	K194081108	Nguyễn Đức Vĩnh	Thắng	K19408	Giỏi	8.48	90	20	6,140,000
48	K194091256	Lê Tuấn	Cường	K19409	Giỏi	8.42	84	19	6,140,000
49	K194091265	Trần Nhật	Hiên	K19409	Giỏi	8.18	90	17	6,140,000
50	K194091273	Hà Thị Hoàng	Lan	K19409	Giỏi	8.17	84	21	6,140,000
51	K194091302	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	K19409	Giỏi	8.16	94	16	6,140,000
52	K194091295	Nguyễn Thị	Quy	K19409	Giỏi	8.16	83	19	6,140,000
53	K194091296	Phạm Trần Nhật	Quyên	K19409	Giỏi	8.09	87	16	6,140,000
54	K194101411	Nguyễn Văn	Quyên	K19410	Xuất sắc	9	93	17	6,755,000
55	K194101376	Lê Ngọc Như	Hào	K19410	Giỏi	8.9	91	20	6,140,000
56	K194101410	Phan Thị	Quyên	K19410	Giỏi	8.75	91	20	6,140,000
57	K194101433	Lê Hoàng	Việt	K19410	Giỏi	8.71	91	17	6,140,000
58	K194101426	Phạm Minh	Tuấn	K19410	Giỏi	8.7	88	20	6,140,000
59	K194101418	Nguyễn Danh	Thuận	K19410	Giỏi	8.68	94	20	6,140,000
60	K194111519	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K19411	Xuất sắc	9.37	90	15	6,755,000
61	K194111578	Phạm Long	Thuyền	K19411	Giỏi	8.56	84	16	6,140,000
62	K194111553	Võ Thị Thu	Ngân	K19411	Giỏi	8.5	88	18	6,140,000
63	K194111567	Phan Thị Thúy	Tâm	K19411	Giỏi	8.36	80	21	6,140,000
64	K194111559	Trần Thị Quỳnh	Như	K19411	Khá	8	65	18	5,580,000
65	K194040510	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K19412	Giỏi	8.76	80	17	6,140,000
66	K194040514	Thượng Phạm Uyên	Thư	K19412	Giỏi	8.74	84	17	6,140,000
67	K194040486	Trần Ngọc	Hương	K19412	Giỏi	8.68	90	17	6,140,000
68	K194040524	Nguyễn Tường	Vi	K19412	Giỏi	8.62	85	17	6,140,000
69	K194040489	Đoàn Tuấn	Kiệt	K19412	Giỏi	8.56	83	17	6,140,000
70	K194131672	Nguyễn Thị	Mai	K19413	Giỏi	8.72	93	18	6,140,000
71	K194131712	Phạm Thị Thảo	Vi	K19413	Giỏi	8.63	94	15	6,140,000
72	K194131679	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K19413	Giỏi	8.5	87	15	6,140,000
73	K194131685	Phan Thị	Nhị	K19413	Giỏi	8.42	93	18	6,140,000
74	K194131709	Nguyễn Thanh	Tuyền	K19413	Giỏi	8.14	92	18	6,140,000
75	K194131714	Lê Thanh	Xuân	K19413	Giỏi	8.11	90	18	6,140,000
76	K194151807	Nguyễn Tấn	Trãi	K19415	Xuất sắc	9.08	93	18	6,755,000
77	K194151764	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	K19415	Giỏi	8.92	87	18	6,140,000
78	K194151770	Trần Nguyễn Thu	Hiên	K19415	Giỏi	8.75	84	18	6,140,000
79	K194151813	Trần Thị Mỹ	Trình	K19415	Giỏi	8.67	87	18	6,140,000
80	K194151777	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	K19415	Giỏi	8.67	85	18	6,140,000
81	K195011864	Nguyễn Thị Huỳnh	Nhi	K19501	Giỏi	8.63	90	20	6,140,000
82	K195011835	Nguyễn Quốc	Hào	K19501	Giỏi	8.53	82	20	6,140,000
83	K195011899	Trịnh Thị Tú	Uyên	K19501	Giỏi	8.48	85	20	6,140,000
84	K195011900	Đinh Thị Tường	Vi	K19501	Giỏi	8.45	84	20	6,140,000
85	K195011874	Trịnh Vũ Thu	Phương	K19501	Giỏi	8.44	82	16	6,140,000
86	K195011894	Lê Thị Thanh	Trúc	K19501	Giỏi	8.43	80	20	6,140,000
87	K195022003	Lương Diễm	Thy	K19502	Giỏi	8.93	89	21	6,140,000
88	K195021995	Nguyễn Lê Diễm	Quỳnh	K19502	Giỏi	8.9	91	21	6,140,000
89	K195022001	Phạm Như	Thiên	K19502	Giỏi	8.71	92	21	6,140,000
90	K195021958	Trương Sơn	Hà	K19502	Giỏi	8.71	82	21	6,140,000
91	K195021970	Huỳnh Thảo	Ly	K19502	Giỏi	8.64	86	21	6,140,000
92	K195022021	Trần Triệu	Vy	K19502	Giỏi	8.53	89	17	6,140,000

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
93	K195032126	Nguyễn Trung	Nghĩa	K19503	Giỏi	8.84	87	19	6,140,000
94	K195032138	Nguyễn Kiều Lan	Phương	K19503	Giỏi	8.59	85	16	6,140,000
95	K195032163	Nguyễn Quốc	Vinh	K19503	Giỏi	8.57	83	15	6,140,000
96	K195032151	Lương Huỳnh Anh	Thư	K19503	Giỏi	8.47	88	16	6,140,000
97	K195032136	Nguyễn Hồng	Nhật	K19503	Giỏi	8.39	84	19	6,140,000
98	K195042212	Lê Trương Thúy	Diễm	K19504	Giỏi	8.81	91	16	6,140,000
99	K195042216	Nguyễn Thị Ánh	Dương	K19504	Giỏi	8.5	86	17	6,140,000
100	K195042220	Lê Thị Ngọc	Hân	K19504	Giỏi	8.47	96	15	6,140,000
101	K195042237	Nguyễn Võ	Lực	K19504	Giỏi	8.44	91	24	6,140,000
102	K195042230	Trần Thị Ngọc	Huyền	K19504	Giỏi	8.38	91	20	6,140,000
103	K204010902	Nguyễn Hòa Kim	Thái	K20401	Xuất sắc	9.2	99	20	6,755,000
104	K204010871	Hồ Thị Thúy	Hằng	K20401	Giỏi	8.97	93	17	6,140,000
105	K204010010	Hoàng Thị Thu	Phương	K20401	Giỏi	8.8	93	15	6,140,000
106	K204010912	Nguyễn Thị Mẫn	Tuệ	K20401	Giỏi	8.8	92	20	6,140,000
107	K204010850	Nguyễn Thị Thiên	Thạch	K20401	Giỏi	8.75	96	24	6,140,000
108	K204010909	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	K20401	Giỏi	8.38	95	21	6,140,000
109	K204020038	Dương Trung	Hiếu	K20402	Xuất sắc	9.38	99	17	6,755,000
110	K204020978	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K20402	Xuất sắc	9.28	92	16	6,755,000
111	K204020058	Nguyễn Thanh	Thức	K20402	Xuất sắc	9.24	96	17	6,755,000
112	K204020970	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	K20402	Xuất sắc	9.06	95	17	6,755,000
113	K204020052	Đinh Hồng Cẩm	Phụng	K20402	Xuất sắc	9.03	90	17	6,755,000
114	K204020996	Nguyễn Tiến	Trung	K20402	Xuất sắc	9	91	19	6,755,000
115	K204031030	Nguyễn Lê Minh	Hoài	K20403	Giỏi	8.61	88	19	6,140,000
116	K204031072	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K20403	Giỏi	8.59	86	17	6,140,000
117	K204031026	Lê Thị Thu	Hằng	K20403	Giỏi	8.5	92	17	6,140,000
118	K204031073	Hoàng Thị Mai	Thi	K20403	Giỏi	8.45	91	19	6,140,000
119	K204031027	Trần Thị Thanh	Hiếu	K20403	Giỏi	8.45	86	20	6,140,000
120	K205042254	Trần Thị Thanh	Trúc	K20403	Giỏi	8.43	84	21	6,140,000
121	K204031089	Trương Ngọc Thảo	Vy	K20403	Giỏi	8.42	91	19	6,140,000
122	K204041134	Tạ Thị Thùy	Dương	K20404A	Xuất sắc	9.59	100	16	6,755,000
123	K204041132	Nguyễn Thị	Diễm	K20404A	Giỏi	8.92	93	19	6,140,000
124	K204041136	Nguyễn Phan Lý	Hà	K20404A	Giỏi	8.72	89	18	6,140,000
125	K204040177	Tăng Nguyễn Khánh	Châu	K20404A	Giỏi	8.72	86	16	6,140,000
126	K204040221	Nguyễn Thị Thảo	Vân	K20404A	Giỏi	8.64	88	18	6,140,000
127	K204040211	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	K20404A	Giỏi	8.63	92	16	6,140,000
128	K204041169	Phạm Thị Kiều	My	K20404B	Xuất sắc	9.13	99	16	6,755,000
129	K204041154	Nguyễn Thị	Điệp	K20404B	Xuất sắc	9.08	96	19	6,755,000
130	K204041222	Nguyễn Thị Thảo	Vy	K20404B	Xuất sắc	9	98	16	6,755,000
131	K204041152	Nguyễn Đỗ Linh	Dung	K20404B	Xuất sắc	9	94	18	6,755,000
132	K204041149	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	K20404B	Giỏi	8.74	86	19	6,140,000
133	K204041158	Đỗ Thị Diệu	Hân	K20404B	Giỏi	8.67	94	18	6,140,000
134	K204050250	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	K20405	Giỏi	8.15	80	20	6,140,000
135	K204051316	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	K20405	Giỏi	8.14	91	18	6,140,000
136	K204051307	Đào Thị Thảo	My	K20405	Giỏi	8.11	88	18	6,140,000
137	K204051329	Phạm Thu	Yên	K20405	Giỏi	8.11	86	23	6,140,000
138	K204051292	Tăng Quốc	Bảo	K20405	Giỏi	8	86	16	6,140,000
139	K204061411	Nguyễn Thái Ngọc	Sương	K20406	Xuất sắc	9.4	92	15	6,755,000
140	K204061404	Đinh Trần Xuân	Nguyên	K20406	Xuất sắc	9.06	91	16	6,755,000
141	K204061420	Lương Anh	Thư	K20406	Giỏi	8.94	89	16	6,140,000
142	K204060293	Lê Anh	Tài	K20406	Giỏi	8.79	86	17	6,140,000

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
143	K204061388	Nguyễn Thành	Danh	K20406	Giỏi	8.75	95	18	6,140,000
144	K204070327	Nguyễn Hoàng	Phước	K20407	Giỏi	8.97	84	17	6,140,000
145	K204070321	Trần Phạm Trúc	My	K20407	Giỏi	8.95	81	19	6,140,000
146	K204070330	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	K20407	Giỏi	8.87	86	15	6,140,000
147	K204070315	Đoàn Thị	Hiền	K20407	Giỏi	8.83	87	21	6,140,000
148	K204071480	Hoàng Trần Diễm	Quỳnh	K20407	Giỏi	8.78	82	16	6,140,000
149	K204071501	Bùi Ngọc Tường	Vy	K20407	Giỏi	8.68	82	17	6,140,000
150	K204080382	Phạm Minh	Tâm	K20408	Xuất sắc	9.29	94	17	6,755,000
151	K204080381	Nguyễn Ngọc Đoan	Tâm	K20408	Xuất sắc	9.17	92	26	6,755,000
152	K204081557	Lương Quốc	Đô	K20408	Giỏi	8.93	90	21	6,140,000
153	K204081595	Lê Việt	Thắng	K20408	Giỏi	8.91	89	22	6,140,000
154	K204081581	Nguyễn Bích	Ngọc	K20408	Giỏi	8.85	93	20	6,140,000
155	K204081588	Châu Nhuận	Phát	K20408	Giỏi	8.83	89	20	6,140,000
156	K204091641	Phạm Thị Yên	Hồng	K20409	Giỏi	9	88	19	6,140,000
157	K204091658	Lương Nguyễn Hoàng	Thanh	K20409	Giỏi	8.78	81	18	6,140,000
158	K204091667	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	K20409	Giỏi	8.75	86	18	6,140,000
159	K204091669	Phạm Lê Cẩm	Tú	K20409	Giỏi	8.67	86	21	6,140,000
160	K204091635	Phạm Thị Kim	Cúc	K20409	Giỏi	8.5	84	18	6,140,000
161	K204100526	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	K20410	Xuất sắc	9.41	94	16	6,755,000
162	K204101706	Lê Thị Mỹ	Hạnh	K20410	Xuất sắc	9.08	97	19	6,755,000
163	K204101704	Trịnh Thùy	Giang	K20410	Xuất sắc	9	93	19	6,755,000
164	K204100522	Văn Việt	Nguyên	K20410	Giỏi	9.13	86	19	6,140,000
165	K204100528	Phạm Thị Diễm	Thúy	K20410	Giỏi	8.94	96	16	6,140,000
166	K204100534	Đặng Trần Phương	Uyên	K20410	Giỏi	8.88	91	17	6,140,000
167	K204111791	Phạm Hồ Tiến	Trung	K20411	Giỏi	8.88	97	16	6,140,000
168	K204110566	Trần Nguyễn Ngọc	Hiếu	K20411	Giỏi	8.87	91	15	6,140,000
169	K204111780	Lê Thị Thùy	Linh	K20411	Giỏi	8.77	88	15	6,140,000
170	K204111787	Nguyễn Ngọc	Thắm	K20411	Giỏi	8.75	89	18	6,140,000
171	K204111773	Võ Trần Gia	Hân	K20411	Giỏi	8.63	88	16	6,140,000
172	K204110583	Bùi Phương	Thảo	K20411	Giỏi	8.63	86	16	6,140,000
173	K204130617	Lê Quang	Bảo	K20413	Giỏi	8.88	83	26	6,140,000
174	K204131855	Văn Đức	Thuận	K20413	Giỏi	8.5	91	18	6,140,000
175	K204131857	Lê Minh	Thư	K20413	Giỏi	8.28	90	16	6,140,000
176	K204131842	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	K20413	Giỏi	8.17	94	33	6,140,000
177	K204131852	Hoàng Thị Hiền	Thảo	K20413	Giỏi	8.17	91	18	6,140,000
178	K204131859	Hoàng Thị Thùy	Tiên	K20413	Giỏi	8.03	88	18	6,140,000
179	K204151976	Ngô Thị Ngọc	Trâm	K20415	Giỏi	8.25	84	16	6,140,000
180	K204151952	Nguyễn Hà Khánh	Linh	K20415	Giỏi	8.24	84	17	6,140,000
181	K204151967	Võ Thị Thanh	Quyên	K20415	Giỏi	8.09	87	17	6,140,000
182	K204151940	Nguyễn Thanh Thoại	Anh	K20415	Giỏi	8.08	92	18	6,140,000
183	K204151979	Ngô Minh	Trường	K20415	Giỏi	8.02	93	22	6,140,000
184	K205010857	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K20501	Giỏi	8.67	95	18	6,140,000
185	K205010685	Nguyễn Thanh	Nhã	K20501	Giỏi	8.45	88	22	6,140,000
186	K205010688	Huỳnh Minh	Phát	K20501	Giỏi	8.25	92	20	6,140,000
187	K205012037	Nguyễn Thành	Nhân	K20501	Giỏi	8.07	90	27	6,140,000
188	K205012024	Nông Thị	Hậu	K20501	Giỏi	8.05	91	20	6,140,000
189	K205010684	Nguyễn Hoàng	Ngân	K20501	Giỏi	8.02	88	22	6,140,000
190	K205020733	Bùi Đức	Dương	K20502	Giỏi	8.88	92	20	6,140,000
191	K205020744	Trần Thị Ái	Nguyên	K20502	Giỏi	8.34	92	16	6,140,000
192	K205020731	Nguyễn Huỳnh Thanh	Diệu	K20502	Giỏi	8.33	84	18	6,140,000

Chữ
nhật

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
193	K205022097	Võ Ngọc Diệu	Linh	K20502	Giỏi	8.3	81	22	6,140,000
194	K205022085	Nguyễn Hà Bạch	Dương	K20502	Giỏi	8.28	83	20	6,140,000
195	K205030808	Nguyễn Đức	Phương	K20503	Giỏi	8.48	84	20	6,140,000
196	K205032171	Phạm Thị Thanh	Tùng	K20503	Giỏi	8.4	91	20	6,140,000
197	K205030800	Nguyễn Đà Quỳnh	Giang	K20503	Giỏi	8.33	80	21	6,140,000
198	K205032175	Nguyễn Phạm Hoàng	Vy	K20503	Giỏi	8.31	85	18	6,140,000
199	K205032154	Trần Thị Lệ	Quyên	K20503	Giỏi	8.31	82	18	6,140,000
200	K205032138	Nguyễn Thị Kim	Linh	K20503	Giỏi	8.24	84	19	6,140,000
201	K205042214	Lê Đức	Công	K20504	Giỏi	8.8	97	22	6,140,000
202	K205042246	Hồ Sỹ	Thắng	K20504	Giỏi	8.55	85	20	6,140,000
203	K205042242	Trần Tuệ	Tâm	K20504	Giỏi	8.45	91	20	6,140,000
204	K205042237	Nguyễn Quỳnh	Như	K20504	Giỏi	8.38	89	25	6,140,000
205	K205042236	Lê Thị Quỳnh	Như	K20504	Giỏi	8.35	89	20	6,140,000
206	K214011392	Nguyễn Thu	Hà	K21401	Giỏi	8.98	88	20	10,175,000
207	K214011388	Đỗ	Đạt	K21401	Giỏi	8.55	82	22	10,175,000
208	K214011393	Nguyễn Như	Hân	K21401	Giỏi	8.5	95	20	10,175,000
209	K214011408	Trần Cẩm	Nhung	K21401	Giỏi	8.45	89	20	10,175,000
210	K214010024	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	K21401	Giỏi	8.43	90	20	10,175,000
211	K214011390	Trần Thị Hồng	Gấm	K21401	Giỏi	8.43	82	20	10,175,000
212	K214020101	Lê Thị Cẩm	Tiên	K21402	Giỏi	8.84	81	19	11,275,000
213	K214020098	Trần Thị Phương	Thùy	K21402	Giỏi	8.83	86	18	11,275,000
214	K214020094	Dương Trương	Quyên	K21402	Giỏi	8.75	81	18	11,275,000
215	K214020083	Đỗ Nguyễn Nhật	Linh	K21402	Giỏi	8.7	88	20	11,275,000
216	K214021218	Đặng Kiên	Cường	K21402	Giỏi	8.63	89	24	11,275,000
217	K214020111	Phan Nguyễn Tường	Vy	K21402	Giỏi	8.63	89	24	11,275,000
218	K214031235	Lê Hoài Khánh	Vi	K21403	Giỏi	8.54	88	25	10,175,000
219	K214030205	Tạ Như	Ngọc	K21403	Giỏi	8.33	91	21	10,175,000
220	K214031551	Trần Đỗ Phương	Uyên	K21403	Giỏi	8.33	83	20	10,175,000
221	K214031548	Lê Thị Thùy	Tiên	K21403	Giỏi	8.23	88	20	10,175,000
222	K214031519	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	K21403	Giỏi	8.13	86	20	10,175,000
223	K214031511	Trần Thị Hương	Giang	K21403	Giỏi	8.11	90	22	10,175,000
224	K214040236	Mai Phan Ngân	Hà	K21404A	Giỏi	8.8	92	20	10,175,000
225	K214040240	Hồ Gia	Hân	K21404A	Giỏi	8.48	87	20	10,175,000
226	K214040230	Lê Văn	Bình	K21404A	Giỏi	8.39	89	18	10,175,000
227	K214040269	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	K21404A	Giỏi	8.18	90	20	10,175,000
228	K214040270	Trần Thanh	Thảo	K21404A	Giỏi	8.18	85	20	10,175,000
229	K214041596	Trần Phạm Vĩnh	Hưng	K21404B	Giỏi	8.85	89	20	10,175,000
230	K214041605	Phùng Chính	Nghĩa	K21404B	Giỏi	8.45	83	19	10,175,000
231	K214041599	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	K21404B	Giỏi	8.44	86	25	10,175,000
232	K214041620	Ngô Đình Linh	Trâm	K21404B	Giỏi	8.4	94	20	10,175,000
233	K214040294	Phạm Lâm	Vũ	K21404B	Giỏi	8.38	82	20	10,175,000
234	K214051682	Lê Thanh	Xuân	K21405	Giỏi	8.38	82	24	10,175,000
235	K214050353	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	K21405	Giỏi	8.37	85	19	10,175,000
236	K214051674	Lê Thị Thu	Phương	K21405	Giỏi	8.32	85	19	10,175,000
237	K214050335	Đặng Hiền Minh	Anh	K21405	Giỏi	8.29	82	19	10,175,000
238	K214050349	Trần Thị Yến	Linh	K21405	Giỏi	8.25	89	24	10,175,000
239	K214060389	La Thế	Anh	K21406	Giỏi	8.71	95	24	10,175,000
240	K214061753	Nguyễn Thúy	Vy	K21406	Giỏi	8.38	90	24	10,175,000
241	K214060405	Trương Kim	Nguyên	K21406	Giỏi	8.03	81	19	10,175,000
242	K214061752	Nguyễn Quốc	Việt	K21406	Khá	7.98	87	24	9,250,000

IN
NG
QC
LU
H

Chữ
Đã

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
243	K214061740	Đoàn Hoa	Kỳ	K21406	Khá	7.96	82	24	9,250,000
244	K214070449	Phạm Mỹ	Anh	K21407	Giỏi	8.67	88	23	10,175,000
245	K214070489	Trần Nguyễn Như	Ý	K21407	Giỏi	8.6	82	21	10,175,000
246	K214071792	Bùi Thị Khánh	Trang	K21407	Giỏi	8.53	82	19	10,175,000
247	K214070454	Phan Anh	Đào	K21407	Giỏi	8.48	81	21	10,175,000
248	K214070455	Phạm Trung	Đức	K21407	Giỏi	8.41	84	17	10,175,000
249	K214070469	Trần Thành	Quý	K21407	Giỏi	8.27	81	24	10,175,000
250	K214080551	Trần Thị Diễm	Quỳnh	K21408	Xuất sắc	9.35	90	20	12,402,500
251	K214080560	Nguyễn Tường	Vi	K21408	Xuất sắc	9.13	95	20	12,402,500
252	K214080552	Lê Tấn	Thành	K21408	Xuất sắc	9.13	94	20	12,402,500
253	K214081282	Đinh Thị Thùy	Linh	K21408	Xuất sắc	9.08	95	20	12,402,500
254	K214080529	Nguyễn Ngọc	Hân	K21408	Xuất sắc	9.08	92	20	12,402,500
255	K214090625	Phạm Thị Kim	Ngân	K21409	Giỏi	8.89	91	19	10,175,000
256	K214090614	Nguyễn Nhật	Ánh	K21409	Giỏi	8.81	90	21	10,175,000
257	K214091870	Nguyễn Hồng	Hạnh	K21409	Giỏi	8.79	81	19	10,175,000
258	K214091875	Lê Minh	Ngọc	K21409	Giỏi	8.75	88	16	10,175,000
259	K214090617	Nguyễn Lê Thành	Đạt	K21409	Giỏi	8.71	88	21	10,175,000
260	K214100696	Trịnh Thị Hoàng	Lưu	K21410	Xuất sắc	9.19	92	21	12,402,500
261	K214100673	Trần Thị Thùy	Dương	K21410	Giỏi	8.95	92	21	11,275,000
262	K214100671	Bùi Ngọc Bảo	Duy	K21410	Giỏi	8.76	89	21	11,275,000
263	K214100681	Phạm Hồ Ngọc	Hân	K21410	Giỏi	8.74	90	21	11,275,000
264	K214101306	Thái Thị Bích	Phương	K21410	Giỏi	8.74	89	19	11,275,000
265	K214100704	Cao Thanh	Nhân	K21410	Giỏi	8.71	90	21	11,275,000
266	K214111949	Đinh Thị Bé	Nhân	K21411	Giỏi	8.6	80	24	11,275,000
267	K214110786	Nguyễn Hồng Ngọc	Ánh	K21411	Giỏi	8.45	83	21	11,275,000
268	K214111954	Đặng Thị Thanh	Trúc	K21411	Giỏi	8.42	90	26	11,275,000
269	K214111955	Hồ Lê Thanh	Trúc	K21411	Giỏi	8.39	80	23	11,275,000
270	K214110827	Nguyễn Anh	Tuấn	K21411	Giỏi	8.38	86	21	11,275,000
271	K214131985	Nguyễn Thị Phương	Liên	K21413	Giỏi	8.37	81	19	10,175,000
272	K214130904	Trịnh Văn	Thanh	K21413	Giỏi	8.23	89	24	10,175,000
273	K214130883	Phạm Nguyễn Khánh	Huy	K21413	Giỏi	8.21	92	24	10,175,000
274	K214131981	Lê Tuấn	Anh	K21413	Giỏi	8.12	81	21	10,175,000
275	K214130898	Ngô Thị Nguyễn	Nhu	K21413	Giỏi	8	81	19	10,175,000
276	K214142096	Nguyễn Minh	Tú	K21414	Giỏi	8.45	86	22	10,175,000
277	K214142056	Trần Tấn	Anh	K21414	Giỏi	8.42	89	18	10,175,000
278	K214142055	Trần Ngọc Vân	Anh	K21414	Giỏi	8.15	90	20	10,175,000
279	K214142079	Trần Thị Kim	Oanh	K21414	Giỏi	8.15	89	20	10,175,000
280	K214150983	Tô Lê Hiền	Uyên	K21415	Giỏi	8.19	83	21	10,175,000
281	K214152130	Nguyễn Võ Hồng	Thỏa	K21415	Khá	7.7	86	25	9,250,000
282	K214150970	Trương Bảo	Khanh	K21415	Khá	7.6	84	20	9,250,000
283	K214152135	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	K21415	Khá	7.54	82	23	9,250,000
284	K215011024	Đặng Phúc Cẩm	Quyên	K21501	Giỏi	8.97	97	16	10,175,000
285	K215011037	Bùi Thị Diễm	Tuyền	K21501	Giỏi	8.78	82	18	10,175,000
286	K215011023	Nguyễn Duy	Quang	K21501	Giỏi	8.69	87	18	10,175,000
287	K215011032	Đinh Thị Huyền	Trang	K21501	Giỏi	8.57	94	23	10,175,000
288	K215011003	Phan Văn	Có	K21501	Giỏi	8.53	87	20	10,175,000
289	K215012167	Trần Thị Mỹ	Duyên	K21501	Giỏi	8.44	87	16	10,175,000
290	K215021073	Lương Trọng	Nghĩa	K21502	Xuất sắc	9.42	94	18	11,192,000
291	K215021077	Hoàng Bích	Phượng	K21502	Giỏi	8.78	94	18	10,175,000
292	K215021079	Châu Giang	Tân	K21502	Giỏi	8.69	91	18	10,175,000

Chữ ký

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
293	K215021083	Bùi Đoàn Minh	Trí	K21502	Giỏi	8.55	92	20	10,175,000
294	K215021072	Bùi Phương	Mai	K21502	Giỏi	8.5	89	18	10,175,000
295	K215021070	Phạm Trần Thiên	Hương	K21502	Giỏi	8.39	85	18	10,175,000
296	K215031135	Trần Lê Trọng	Văn	K21503	Giỏi	8.58	95	18	10,175,000
297	K215032263	Lê Nguyễn Ngọc	Hà	K21503	Giỏi	8.31	80	16	10,175,000
298	K215032284	Nguyễn Thị Mai	Thy	K21503	Giỏi	8	83	17	10,175,000
299	K215032273	Nguyễn Ngọc	Ngân	K21503	Giỏi	8	82	18	10,175,000
300	K215032276	Nguyễn Khương	Nhi	K21503	Khá	7.9	87	20	9,250,000
301	K215041366	Huỳnh Hồng Thu	Giang	K21504	Giỏi	8.5	90	18	10,175,000
302	K215041174	Phạm Lê Quang	Hiếu	K21504	Giỏi	8.05	89	20	10,175,000
303	K215041175	Trương Thị Xuân	Hoa	K21504	Khá	7.94	85	18	9,250,000
304	K215041178	Lương Thị Thanh	Hương	K21504	Khá	7.92	85	18	9,250,000
305	K215041168	Huỳnh Nguyễn Phương	An	K21504	Khá	7.83	83	21	9,250,000

Tổng cộng 305 SV

2,313,047,000

Bằng chữ: Hai tỷ ba trăm mười ba triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG P.TS&CTSV

TRƯỞNG P.TC

TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Cù Xuân Tiến

Lợi Minh Thanh

Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO)**

Ban hành kèm Quyết định số 355/QĐ-ĐHKTL ngày 27 tháng 3 năm 2023

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K194010107	Đào Viết	Thành	K19401C	Xuất sắc	9.29	90	14	14,000,000
2	K194010078	Trần Vĩ	An	K19401C	Giỏi	8.64	88	21	7,000,000
3	K194012329	Phạm Minh	Thư	K19401C	Giỏi	8.5	97	26	7,000,000
4	K194010117	Võ Thị Thảo	Vy	K19401C	Giỏi	8.5	87	18	3,500,000
5	K194151796	Trần Dũng	Thanh	K19401C	Giỏi	8.35	81	17	3,500,000
6	K194010083	Trần Minh	Anh	K19401C	Giỏi	8.33	92	18	3,500,000
7	K194010112	Võ Hoàng	Trang	K19401C	Giỏi	8.33	88	18	3,500,000
8	K194010081	Phạm Phương	Anh	K19401C	Giỏi	8.31	89	18	3,500,000
9	K194020230	Nguyễn Thanh	Tùng	K194021C	Giỏi	8.72	93	16	14,000,000
10	K194020211	Nguyễn Phùng Thanh	Ngọc	K194021C	Khá	7.91	83	16	7,000,000
11	K194020202	Lê Thị Hồng	Hạnh	K194021C	Khá	7.88	88	16	7,000,000
12	K194020235	Phạm Thị Kim	Vui	K194021C	Khá	7.79	81	19	3,500,000
13	K194020198	Nguyễn Ngọc	Anh	K194021C	Khá	7.43	81	15	3,500,000
14	K194020207	Bùi Thị Trà	My	K194021C	Khá	7.13	86	16	3,500,000
15	K194020274	Đào Triệu	Vy	K194022C	Giỏi	8.77	96	15	14,000,000
16	K194020254	Đỗ Phan Phi	Long	K194022C	Khá	8.69	77	16	7,000,000
17	K194030354	Trịnh Nguyễn Thu	Hằng	K19403C	Giỏi	8.39	86	14	14,000,000
18	K194030374	Trần Ngọc Thanh	Quyên	K19403C	Giỏi	8.32	87	14	7,000,000
19	K194030349	Nguyễn Hồng	Ánh	K19403C	Giỏi	8.18	86	14	7,000,000
20	K194030381	Nguyễn Anh	Thư	K19403C	Khá	7.93	81	14	3,500,000
21	K194030360	Trần Quốc	Huy	K19403C	Khá	7.89	87	14	3,500,000
22	K194030357	Ngô Đoàn Trung	Hậu	K19403C	Khá	7.75	89	14	3,500,000
23	K194030382	Võ Thị Thanh	Thư	K19403C	Khá	7.74	81	17	3,500,000
24	K194030362	Trần	Kiên	K19403C	Khá	7.6	86	20	3,500,000
25	K194040541	Trương Thị Thùy	Linh	K19404C	Giỏi	8.89	85	14	14,000,000
26	K194040559	Lê Đức	Thắng	K19404C	Giỏi	8.5	80	17	7,000,000
27	K194040552	Võ Hồng	Nhung	K19404C	Giỏi	8.46	81	14	7,000,000
28	K194040565	Lê Ngọc Quế	Trần	K19404C	Giỏi	8.36	87	14	3,500,000
29	K194040551	Trương Vĩ	Nhon	K19404C	Giỏi	8.29	87	17	3,500,000
30	K194040543	Mã Kiệt	Minh	K19404C	Giỏi	8.21	81	17	3,500,000
31	K194040567	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	K19404C	Giỏi	8.03	88	18	3,500,000
32	K194040531	Lê Nguyễn Thúy	Châu	K19404C	Giỏi	8.03	84	17	3,500,000
33	K194050698	Lê Lý Nhân	Hậu	K19405C	Xuất sắc	9	93	17	14,000,000
34	K194050715	Nguyễn Lam	Phương	K19405C	Giỏi	8.58	89	18	7,000,000
35	K194050704	Phạm Thị Mỹ	Linh	K19405C	Giỏi	8.53	87	20	7,000,000
36	K194050724	Phạm Thùy	Trang	K19405C	Giỏi	8.41	89	17	3,500,000
37	K194050701	Mai Thu	Hương	K19405C	Khá	7.88	83	17	3,500,000
38	K194050697	Võ Gia	Hân	K19405C	Khá	7.82	84	17	3,500,000
39	K194050718	Lê Thị	Phượng	K19405C	Khá	7.79	86	17	3,500,000
40	K194050733	Nguyễn Phan Tường	Vy	K19405C	Khá	7.76	90	17	3,500,000
41	K194050696	Tổng Thị Ngọc	Hân	K19405C	Khá	7.71	88	17	3,500,000
42	K194060859	Nguyễn Duy	Nghĩa	K19406C	Xuất sắc	9.29	97	14	14,000,000
43	K194060877	Châu Thị Bích	Trâm	K19406C	Xuất sắc	9.09	93	16	7,000,000
44	K194060868	Bùi Nguyễn Bảo	Quyên	K19406C	Giỏi	8.75	94	16	7,000,000

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
45	K194060840	Phạm Gia Hoài	An	K19406C	Giỏi	8.75	89	14	3,500,000
46	K194060858	Nguyễn Thảo	Ngân	K19406C	Giỏi	8.66	93	16	3,500,000
47	K194060863	Nguyễn Hoàng Tuyết	Nhi	K19406C	Giỏi	8.64	91	14	3,500,000
48	K194060873	Nguyễn Đỗ Thanh	Thùy	K19406C	Giỏi	8.64	91	14	3,500,000
49	K194060865	Nguyễn Mạnh	Quang	K19406C	Giỏi	8.54	97	14	3,500,000
50	K194070978	Đông Ngọc	Linh	K19407C	Giỏi	8.74	84	17	14,000,000
51	K194070970	Lê Phan Minh	Hậu	K19407C	Giỏi	8.46	94	14	7,000,000
52	K194070990	Huỳnh Nguyễn Hồng	Phượng	K19407C	Giỏi	8.46	88	14	7,000,000
53	K194071000	Lê Trúc	Vi	K19407C	Giỏi	8.41	89	16	3,500,000
54	K194071002	Phạm Thị Ngọc	Yến	K19407C	Giỏi	8.41	83	17	3,500,000
55	K194070994	Đinh Huyền	Thắm	K19407C	Giỏi	8.39	90	14	3,500,000
56	K194070977	Lê Hà Minh	Khuê	K19407C	Giỏi	8.38	89	16	3,500,000
57	K194070969	Trần Gia	Hân	K19407C	Giỏi	8.32	90	17	3,500,000
58	K194081142	Lê Thúc	Khánh	K194081C	Giỏi	8.7	90	15	14,000,000
59	K194081150	Lê Thanh	Nga	K194081C	Giỏi	8.65	87	17	7,000,000
60	K194081162	Nguyễn Hoàng Phương	Phương	K194081C	Giỏi	8.47	89	16	7,000,000
61	K194081139	Mai Nguyễn Khánh	Huyền	K194081C	Giỏi	8.26	93	17	3,500,000
62	K194081154	Lê Diệp Thảo	Nguyên	K194081C	Giỏi	8.24	84	17	3,500,000
63	K194081145	Nguyễn Tuấn	Kiệt	K194081C	Giỏi	8.24	80	17	3,500,000
64	K194081133	Võ Thị Mỹ	Hạnh	K194081C	Giỏi	8.21	89	14	3,500,000
65	K194081165	Châu Thanh	Thanh	K194081C	Giỏi	8.03	80	16	3,500,000
66	K194081168	Phan Nguyễn Dạ	Thảo	K194082C	Giỏi	8.66	94	16	14,000,000
67	K194081185	Nguyễn Nguyệt	Hà	K194082C	Giỏi	8.66	84	16	7,000,000
68	K194081174	Trần Thị Cẩm	Tú	K194082C	Giỏi	8.59	88	16	7,000,000
69	K194081176	Mai Minh	Vũ	K194082C	Giỏi	8.41	82	16	3,500,000
70	K194091289	Trần Thị Yến	Nhi	K194082C	Giỏi	8.4	85	20	3,500,000
71	K194081191	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	K194082C	Giỏi	8.34	89	16	3,500,000
72	K194081205	Huỳnh Mai Tường	Vi	K194082C	Giỏi	8.22	85	16	3,500,000
73	K194081190	Trần Lâm Sơn	Ngọc	K194082C	Giỏi	8.22	83	16	3,500,000
74	K194091357	Đỗ Thị Hoài	Thương	K19409C	Giỏi	8.88	88	17	14,000,000
75	K194091354	Nguyễn Long	Thịnh	K19409C	Giỏi	8.79	94	17	7,000,000
76	K194091337	Nguyễn Thị Minh	Hiền	K19409C	Giỏi	8.79	88	17	7,000,000
77	K194091356	Nguyễn Thị Xuân	Thủy	K19409C	Giỏi	8.75	92	14	3,500,000
78	K194091331	Đỗ Phạm Trường	Giang	K19409C	Giỏi	8.41	86	17	3,500,000
79	K194091336	Lưu Nhân	Hậu	K19409C	Giỏi	8.35	88	17	3,500,000
80	K194091352	Trương Nguyên	Thảo	K19409C	Giỏi	8.26	86	17	3,500,000
81	K194091329	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	K19409C	Giỏi	8.14	91	14	3,500,000
82	K194101457	Mai Công	Hậu	K194101C	Giỏi	8.71	96	17	14,000,000
83	K194101470	Đoàn Thị Yến	Ngân	K194101C	Giỏi	8.56	87	17	7,000,000
84	K194101450	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	K194101C	Giỏi	8.47	84	17	7,000,000
85	K194101476	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	K194101C	Giỏi	8.46	89	14	3,500,000
86	K194101454	Mai Nguyễn Thanh	Hải	K194101C	Giỏi	8.44	90	17	3,500,000
87	K194101445	Tạ Thị Ngọc	Anh	K194101C	Giỏi	8.38	84	17	3,500,000
88	K194101471	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K194101C	Giỏi	8.35	94	17	3,500,000
89	K194101504	Trần Gia	Huy	K194102C	Xuất sắc	9.06	95	17	14,000,000
90	K194101507	Trần Thảo	Nguyên	K194102C	Giỏi	8.82	89	17	7,000,000
91	K194101514	Nguyễn Thúy	Vy	K194102C	Giỏi	8.65	91	17	7,000,000
92	K194101489	Lê Thùy	Trang	K194102C	Giỏi	8.65	89	17	3,500,000
93	K194101490	Phạm Ngọc Yến	Trang	K194102C	Giỏi	8.65	86	20	3,500,000
94	K194101503	Vũ Trí	Đức	K194102C	Giỏi	8.41	92	17	3,500,000
95	K194111635	Võ Thị Tuyết	Trinh	K19411C	Giỏi	8.97	91	19	14,000,000

GA
mnh

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
96	K194111641	Trương Hoàng	Ý	K19411C	Giỏi	8.8	89	15	7,000,000
97	K194111607	Đặng Tiến	Hưng	K19411C	Giỏi	8.47	90	16	7,000,000
98	K194111633	Nguyễn Thị Hoài	Thương	K19411C	Giỏi	8.33	93	15	3,500,000
99	K194111610	Phạm Thị Thùy	Linh	K19411C	Giỏi	8.32	85	17	3,500,000
100	K194111601	Phạm Thành	Đạt	K19411C	Giỏi	8.06	84	18	3,500,000
101	K194111630	Hoàng Thị Minh	Thúy	K19411C	Khá	7.86	83	18	3,500,000
102	K194111603	Huỳnh Nhật	Hào	K19411C	Giỏi	9	87	11	3,500,000
103	K194111636	Trần Quốc	Trưởng	K19411C	Giỏi	8.67	89	12	3,500,000
104	K194141745	Nguyễn Đức Minh	Tấn	K19414C	Giỏi	8.85	90	20	14,000,000
105	K194141725	Thái Tuấn	Kha	K19414C	Giỏi	8.71	85	17	7,000,000
106	K194141724	Phạm Quỳnh	Hương	K19414C	Giỏi	8.59	81	17	7,000,000
107	K194141734	Huỳnh Mỹ	Nga	K19414C	Giỏi	8.54	82	14	3,500,000
108	K194141751	Lâm Nhựt	Thịnh	K19414C	Giỏi	8.53	86	20	3,500,000
109	K194141755	Trần Thanh	Trúc	K19414C	Giỏi	8.43	85	20	3,500,000
110	K194141735	Võ Phan Quỳnh	Nhi	K19414C	Giỏi	8.41	84	17	3,500,000
111	K194141740	Trần Thanh	Phúc	K19414C	Giỏi	8.35	86	17	3,500,000
112	K195011921	Lâm Thúy Bảo	Nhi	K19501C	Giỏi	8.83	93	18	14,000,000
113	K195011923	Hoàng Thị Yến	Nhung	K19501C	Giỏi	8.81	85	18	7,000,000
114	K195011927	Lê Thị Như	Quỳnh	K19501C	Giỏi	8.38	86	17	7,000,000
115	K195011922	Quách Khả	Nhi	K19501C	Giỏi	8.35	87	17	3,500,000
116	K195011907	Vũ Thị Ngọc	Bích	K19501C	Giỏi	8.22	81	18	3,500,000
117	K195011916	Phạm Duy	Khánh	K19501C	Giỏi	8.21	83	17	3,500,000
118	K195011910	Lê Hà	Giang	K19501C	Giỏi	8.21	82	17	3,500,000
119	K195011928	Trần Thảo	Quỳnh	K19501C	Giỏi	8.18	84	20	3,500,000
120	K195022051	Lê Ngọc Kim	Ngân	K195021C	Giỏi	8.87	93	19	14,000,000
121	K195022046	Nguyễn Hoài	Linh	K195021C	Giỏi	8.74	91	21	7,000,000
122	K195022058	Võ Giản Quế	Phương	K195021C	Giỏi	8.74	90	19	7,000,000
123	K195022057	Nguyễn Thị Hoài	Phúc	K195021C	Giỏi	8.73	90	24	3,500,000
124	K195022049	Lưu Thị Ngọc	Loan	K195021C	Giỏi	8.58	91	24	3,500,000
125	K195022034	Nguyễn Thị Cẩm	Hoàng	K195021C	Giỏi	8.46	95	24	3,500,000
126	K195022035	Nguyễn Thị	Hồng	K195021C	Giỏi	8.43	96	21	3,500,000
127	K195022088	Lê Quỳnh	Mai	K195022C	Giỏi	8.9	91	21	14,000,000
128	K195022072	Dương Minh	Trúc	K195022C	Giỏi	8.88	93	21	7,000,000
129	K195022091	Huỳnh Ngọc Yến	Nhi	K195022C	Giỏi	8.69	86	21	7,000,000
130	K195022090	Bùi Trần Kim	Ngọc	K195022C	Giỏi	8.58	90	19	3,500,000
131	K195022075	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	K195022C	Giỏi	8.58	84	19	3,500,000
132	K195022095	Nguyễn Thủy	Tiên	K195022C	Giỏi	8.52	94	21	3,500,000
133	K195022066	Trần Thanh	Trà	K195022C	Giỏi	8.5	90	21	3,500,000
134	K195032184	Hoàng Ngọc Xuân	Mai	K19503C	Giỏi	8.17	95	15	14,000,000
135	K195032171	Nguyễn Khánh	Duy	K19503C	Khá	7.83	91	15	7,000,000
136	K195032189	Nguyễn Trần Minh	Phước	K19503C	Khá	7.78	87	16	7,000,000
137	K195032204	Nguyễn Phụng	Tường	K19503C	Khá	7.75	72	18	3,500,000
138	K195032169	Lê Hoàng Bảo	Châu	K19503C	Khá	7.75	66	18	3,500,000
139	K195032193	Đoàn Hữu	Tân	K19503C	Khá	7.66	82	16	3,500,000
140	K195032190	Trương Nguyễn Hoàng	Quyên	K19503C	Khá	7.61	82	18	3,500,000
141	K195032199	Phan Minh	Thư	K19503C	Khá	7.55	83	22	3,500,000
142	K195042311	Phạm Ngọc Thảo	Vy	K19504C	Giỏi	8.72	94	16	14,000,000
143	K195042300	Lê Thị Huyền	Thoa	K19504C	Giỏi	8.72	91	18	7,000,000
144	K195042285	Mai Thị Mỹ	Hòa	K19504C	Giỏi	8.56	96	18	7,000,000
145	K195042280	Cao Anh	Đức	K19504C	Giỏi	8.47	91	15	3,500,000
146	K195042308	Trịnh Thị Thảo	Vân	K19504C	Giỏi	8.36	80	22	3,500,000

Chữ ký

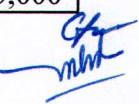
STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
147	K195042289	Võ Thư	Kỳ	K19504C	Giỏi	8.3	87	15	3,500,000
148	K204010939	Lê Quang Khai	Nguyên	K20401C	Giỏi	8.96	91	23	13,900,000
149	K204010936	Trương Thị Thảo	Ngân	K20401C	Giỏi	8.48	90	24	6,950,000
150	K204010944	Nguyễn Thành	Sang	K20401C	Giỏi	8.43	91	22	6,950,000
151	K204010033	Nguyễn Lê Tường	Vy	K20401C	Giỏi	8.13	87	20	3,475,000
152	K204010023	Nguyễn Trần Bảo	Chi	K20401C	Giỏi	8.12	80	17	3,475,000
153	K204010932	Trần Thị Trúc	Linh	K20401C	Giỏi	8.1	82	15	3,475,000
154	K204010937	Nguyễn Đình Hoài	Ngọc	K20401C	Khá	7.76	84	19	3,475,000
155	K204010031	Trần Quốc	Thái	K20401C	Khá	7.73	81	22	3,475,000
156	K204010931	Nguyễn Yên	Linh	K20401C	Khá	7.73	68	15	3,475,000
157	K204010919	Dư Nguyễn Diệu	Diệu	K20401C	Khá	7.68	80	19	3,475,000
158	K204020093	Phan Trần Mai	Ngân	K204021C	Xuất sắc	9.31	91	16	13,900,000
159	K204020091	Nguyễn Hoài	Nam	K204021C	Xuất sắc	9.11	90	19	6,950,000
160	K204020072	Hoàng Lê Trâm	Anh	K204021C	Xuất sắc	9.09	91	16	6,950,000
161	K204021000	Cao Văn	Duy	K204021C	Xuất sắc	9	92	16	3,475,000
162	K204021001	Đặng Thị Thanh	Hằng	K204021C	Giỏi	8.76	88	21	3,475,000
163	K204020079	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	K204021C	Giỏi	8.71	95	19	3,475,000
164	K204020098	Phạm Khắc Hưng	Nguyên	K204021C	Giỏi	8.63	84	15	3,475,000
165	K204020071	Trần Thị Thủy	An	K204021C	Giỏi	8.61	86	18	3,475,000
166	K204020073	Lê Phương	Anh	K204021C	Giỏi	8.53	91	18	3,475,000
167	K204020112	Trần Lê Cẩm	Tú	K204021C	Giỏi	8.53	89	18	3,475,000
168	K204021008	Ngô Minh	Nguyên	K204022C	Xuất sắc	9.15	97	17	13,900,000
169	K204020130	Lê Thái	Nguyên	K204022C	Xuất sắc	9.13	92	16	6,950,000
170	K204020128	Lương Thanh	Long	K204022C	Xuất sắc	9.03	96	19	6,950,000
171	K204020116	Nguyễn Hà	An	K204022C	Giỏi	9.13	86	16	3,475,000
172	K204020118	Nguyễn Phạm Minh	Châu	K204022C	Giỏi	8.97	92	16	3,475,000
173	K204020122	Huỳnh Lê Phương	Hằng	K204022C	Giỏi	8.88	92	16	3,475,000
174	K204020137	Đỗ Ngọc Như	Quỳnh	K204022C	Giỏi	8.75	92	16	3,475,000
175	K204020126	Nguyễn Hoàng Yên	Linh	K204022C	Giỏi	8.71	88	19	3,475,000
176	K204021019	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	K204022C	Giỏi	8.63	89	16	3,475,000
177	K204021007	Trương Bảo	Ngọc	K204022C	Giỏi	8.56	87	16	3,475,000
178	K204031099	Đinh Sang	Chi	K20403C	Giỏi	8.63	85	15	13,900,000
179	K204031120	Phạm Thị Thùy	Trang	K20403C	Giỏi	8.53	88	15	6,950,000
180	K204031119	Hồ Quỳnh	Trang	K20403C	Giỏi	8.5	90	15	6,950,000
181	K204031097	Phạm Thị Ngọc	Ánh	K20403C	Giỏi	8.47	94	15	3,475,000
182	K204031092	Mai Phương	Anh	K20403C	Giỏi	8.43	89	15	3,475,000
183	K204031116	Lê Hồ Thu	Thảo	K20403C	Giỏi	8.23	80	15	3,475,000
184	K204031100	Lê Thị Thùy	Dương	K20403C	Giỏi	8.1	87	15	3,475,000
185	K204031103	Trần Thị Thu	Hạnh	K20403C	Giỏi	8.09	81	17	3,475,000
186	K204031115	Nguyễn Thị Anh	Quân	K20403C	Giỏi	8.03	85	15	3,475,000
187	K204040228	Nguyễn Tiến	Lập	K20404C	Giỏi	8.97	91	16	13,900,000
188	K204041246	Hoàng Nguyễn Phương	Thảo	K20404C	Giỏi	8.97	91	16	6,950,000
189	K204041232	Nguyễn Thị Tú	Linh	K20404C	Giỏi	8.81	91	16	6,950,000
190	K204041254	Lê Minh	Tú	K20404C	Giỏi	8.81	86	16	3,475,000
191	K204041251	Trịnh Ngọc	Tiên	K20404C	Giỏi	8.75	97	16	3,475,000
192	K204041259	Lê Hoàng	Yên	K20404C	Giỏi	8.63	88	16	3,475,000
193	K204041241	Nguyễn Hồ Phương	Nguyên	K20404C	Giỏi	8.41	94	16	3,475,000
194	K204041233	Nguyễn Việt Hương	Ly	K20404C	Giỏi	8.41	91	16	3,475,000
195	K204041234	Nguyễn Vũ Quỳnh	Ly	K20404C	Giỏi	8.28	88	16	3,475,000
196	K204050264	Kiều Nguyễn Gia	Linh	K20405C	Xuất sắc	9.05	92	20	13,900,000
197	K204051341	Trần Hoàng	Kim	K20405C	Giỏi	8.61	81	18	6,950,000

Chữ
nhữ

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
198	K204051347	Nguyễn Như	Ngọc	K20405C	Giỏi	8.42	91	18	6,950,000
199	K204050262	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	K20405C	Giỏi	8.22	81	16	3,475,000
200	K204050265	Lê Thị Nguyệt	Minh	K20405C	Khá	7.97	84	18	3,475,000
201	K204051334	Nguyễn Quảng Trà	Giang	K20405C	Khá	7.75	82	16	3,475,000
202	K204051349	Nguyễn Khánh Minh	Nguyệt	K20405C	Khá	7.71	80	21	3,475,000
203	K204050271	Vũ Minh	Vy	K20405C	Khá	7.7	86	15	3,475,000
204	K204061446	Man Đắc	Sang	K20406C	Giỏi	8.83	89	15	13,900,000
205	K204061440	Trần Nhật	Nguyên	K20406C	Giỏi	8.8	93	15	6,950,000
206	K204060305	Ngô Song Tuyết	Ngân	K20406C	Giỏi	8.77	94	15	6,950,000
207	K204060307	Nguyễn Trần Thúy	Quỳnh	K20406C	Giỏi	8.73	91	15	3,475,000
208	K204061434	Nguyễn Văn	Hướng	K20406C	Giỏi	8.73	90	15	3,475,000
209	K204060310	Thái Thiên	Trúc	K20406C	Giỏi	8.7	86	15	3,475,000
210	K204060303	Đặng Thiên	Kim	K20406C	Giỏi	8.67	91	15	3,475,000
211	K204070342	Huỳnh Thị Phương	Duyên	K20407C	Xuất sắc	9.07	92	15	13,900,000
212	K204070338	Nguyễn Lê Gia	Bảo	K20407C	Xuất sắc	9	92	19	6,950,000
213	K204071506	Lưu Hoàng	Châu	K20407C	Giỏi	8.84	92	16	6,950,000
214	K204071512	Lê Nguyễn Diễm	Quỳnh	K20407C	Giỏi	8.5	87	16	3,475,000
215	K204070357	Lê Nguyễn Minh	Thy	K20407C	Giỏi	8.31	90	16	3,475,000
216	K204071511	Trịnh Thị Thúy	Nga	K20407C	Giỏi	8.2	89	23	3,475,000
217	K204070347	Lê Nguyễn Quang	Huy	K20407C	Giỏi	8.13	83	16	3,475,000
218	K204071514	Trương Ngọc	Thảo	K20407C	Giỏi	8.09	85	22	3,475,000
219	K204080397	Trần Lê Hoàng	Châu	K20408C	Xuất sắc	9	90	14	13,900,000
220	K204080412	Đỗ Vũ Quỳnh	Nhi	K20408C	Giỏi	9	86	17	6,950,000
221	K204080415	Trần Tuyết	Như	K20408C	Giỏi	8.94	90	18	6,950,000
222	K204081612	Dương Thúy	Thanh	K20408C	Giỏi	8.89	89	14	3,475,000
223	K204080416	Nguyễn Thành	Phát	K20408C	Giỏi	8.88	92	20	3,475,000
224	K204080423	Trần Thị Thu	Trang	K20408C	Giỏi	8.88	91	20	3,475,000
225	K204080410	Phạm Ngô Khánh	Ngọc	K20408C	Giỏi	8.82	88	17	3,475,000
226	K204080405	Huỳnh Phạm	Khanh	K20408C	Giỏi	8.65	96	17	3,475,000
227	K204081616	Nguyễn Thanh Trúc	Miêu	K20408C	Giỏi	8.65	94	17	3,475,000
228	K204091696	Lê Thị Thảo	Vân	K20409C	Xuất sắc	9.03	92	16	13,900,000
229	K204090481	Đào Hoàng	An	K20409C	Giỏi	9.22	89	18	6,950,000
230	K204090487	Phạm Khánh	Linh	K20409C	Giỏi	9	87	18	6,950,000
231	K204091686	Lê Nguyễn Hoàng	Phượng	K20409C	Giỏi	8.7	89	22	3,475,000
232	K204090486	Dương Khánh	Linh	K20409C	Giỏi	8.68	91	20	3,475,000
233	K204090492	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	K20409C	Giỏi	8.64	86	18	3,475,000
234	K204091680	Trần Nguyễn Hồng	Lam	K20409C	Giỏi	8.55	87	20	3,475,000
235	K204091684	Đào Thị Hồng	Nhung	K20409C	Giỏi	8.47	92	16	3,475,000
236	K204100554	Nguyễn Đắc Quỳnh	Tiên	K20410C	Giỏi	8.59	86	16	13,900,000
237	K204100543	Nguyễn Lâm Ngọc	Hương	K20410C	Giỏi	8.47	92	19	6,950,000
238	K204100549	Nguyễn Thị Tuyết	Như	K20410C	Giỏi	8.47	82	16	6,950,000
239	K204100552	Đoàn Ngô Phương	Thảo	K20410C	Giỏi	8.34	92	19	3,475,000
240	K204111770	Đặng Mỹ	Hạnh	K20410C	Giỏi	8.34	92	16	3,475,000
241	K204101752	Trần Cẩm	Quỳnh	K20410C	Giỏi	8.29	81	19	3,475,000
242	K204101748	Nguyễn Cẩm	Ly	K20410C	Giỏi	8.19	89	16	3,475,000
243	K204100548	Võ Ngọc Phương	Nghi	K20410C	Giỏi	8.16	80	19	3,475,000
244	K204111813	Trần Thị Kiều	Trinh	K20411C	Xuất sắc	9.12	93	17	13,900,000
245	K204110597	Thái Đình Anh	Khoa	K20411C	Giỏi	8.5	87	15	6,950,000
246	K204111814	Đỗ Huỳnh Thảo	Vy	K20411C	Giỏi	8.4	96	15	6,950,000
247	K204111801	Nguyễn Thị Xuân	Mai	K20411C	Giỏi	8.4	81	15	3,475,000
248	K204110602	Nguyễn Trần Bích	Ngọc	K20411C	Giỏi	8.37	89	15	3,475,000

*Chữ
mẫu*

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
249	K204110598	Trương Đỗ Đăng	Khoa	K20411C	Giỏi	8.37	84	15	3,475,000
250	K204111811	Nguyễn Hồ Trung	Tín	K20411C	Giỏi	8.37	82	15	3,475,000
251	K204111796	Nguyễn Phạm Thùy	Anh	K20411C	Giỏi	8.34	86	16	3,475,000
252	K204110611	Bằng Nhân	Trí	K20411C	Giỏi	8.29	86	17	3,475,000
253	K204131870	Trần Thị Kim	Anh	K20413C	Xuất sắc	9.13	94	20	13,900,000
254	K204131904	Nguyễn Thị Hải	Yến	K20413C	Giỏi	8.54	96	24	6,950,000
255	K204131872	Phan Thị Thùy	Duyên	K20413C	Giỏi	8.53	94	16	6,950,000
256	K204131871	Vũ Thị Hạnh	Dung	K20413C	Giỏi	8.53	93	16	3,475,000
257	K204131896	Nguyễn Bảo	Thy	K20413C	Giỏi	8.45	87	20	3,475,000
258	K204131876	Lê Trần Mỹ	Hạnh	K20413C	Giỏi	8.2	88	20	3,475,000
259	K204131874	Hà Nguyễn Huy	Hải	K20413C	Giỏi	8.2	87	20	3,475,000
260	K204131869	Nguyễn Đức Hoài	An	K20413C	Khá	7.9	76	15	3,475,000
261	K204141937	Tạ Thị Cẩm	Tú	K20414C	Giỏi	8.33	82	18	13,900,000
262	K204141924	Nguyễn Ngọc Phương	Nhu	K20414C	Giỏi	8.19	87	21	6,950,000
263	K204141929	Lương Thị Mỹ	Tâm	K20414C	Giỏi	8.19	82	18	6,950,000
264	K204141923	Trần Nhật	Nguyên	K20414C	Giỏi	8.17	84	18	3,475,000
265	K204140638	Huỳnh Chí	Dũng	K20414C	Giỏi	8.13	81	16	3,475,000
266	K204141938	Mai Phương	Tuyền	K20414C	Giỏi	8.08	82	18	3,475,000
267	K205030798	Đặng Đức	Duy	K20414C	Khá	7.97	81	18	3,475,000
268	K204161988	Lê Chí	Hào	K20416C	Xuất sắc	9.13	91	15	13,900,000
269	K204160664	Phạm Nguyễn Bích	Khuyên	K20416C	Giỏi	8.97	80	15	6,950,000
270	K204161998	Lê Quang Chấn	Phong	K20416C	Giỏi	8.94	86	16	6,950,000
271	K204162007	Bùi Thu	Vân	K20416C	Giỏi	8.83	86	15	3,475,000
272	K204161997	Nguyễn Trần Minh	Nhật	K20416C	Giỏi	8.78	84	16	3,475,000
273	K204162011	Trần Triệu	Vy	K20416C	Giỏi	8.69	89	16	3,475,000
274	K204161987	Hoàng Nguyễn Quỳnh	Giang	K20416C	Giỏi	8.66	87	16	3,475,000
275	K204161991	Nguyễn Thị Ái	Linh	K20416C	Giỏi	8.63	95	15	3,475,000
276	K205010717	Lê Phương	Thảo	K20501C	Giỏi	8.66	87	16	13,900,000
277	K205012062	Nguyễn Như	Hào	K20501C	Giỏi	8.63	91	16	6,950,000
278	K205010727	Đào Tường	Vy	K20501C	Giỏi	8.53	82	16	6,950,000
279	K205012068	Nguyễn Thị Cẩm	Nhi	K20501C	Giỏi	8.46	92	14	3,475,000
280	K205012059	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	K20501C	Giỏi	8.44	93	16	3,475,000
281	K205012060	Nguyễn Thị Loan	Anh	K20501C	Giỏi	8.35	89	17	3,475,000
282	K205010714	Trần Bảo	Ngọc	K20501C	Giỏi	8.31	82	16	3,475,000
283	K205010718	Mai Trần Quốc	Thiệu	K20501C	Giỏi	8.28	87	16	3,475,000
284	K205012072	Nguyễn Thị	Thảo	K20501C	Giỏi	8.22	89	16	3,475,000
285	K205022121	Đỗ Thủy	Tiên	K20502C	Xuất sắc	9.25	90	18	13,900,000
286	K205020768	Trương Kỳ	Danh	K20502C	Giỏi	8.81	91	18	6,950,000
287	K205020778	Nguyễn Ngọc Tú	Linh	K20502C	Giỏi	8.78	87	18	6,950,000
288	K205020788	Trần Thị Hồng	Thắm	K20502C	Giỏi	8.72	93	18	3,475,000
289	K205022119	Bùi Phạm Quỳnh	Như	K20502C	Giỏi	8.66	91	16	3,475,000
290	K205020763	Tổng Hoàng Thanh	An	K20502C	Giỏi	8.64	96	18	3,475,000
291	K205022115	Nguyễn Thanh	Bình	K20502C	Giỏi	8.64	85	18	3,475,000
292	K205020770	Lê Xuân	Duy	K20502C	Giỏi	8.5	92	18	3,475,000
293	K205020790	Sử Phương Ngọc	Trần	K20502C	Giỏi	8.5	89	18	3,475,000
294	K205030819	Nguyễn Phạm Đoàn	Lê	K20503C	Giỏi	8.38	95	16	13,900,000
295	K205032187	Dương Khánh	Hà	K20503C	Khá	7.64	81	14	6,950,000
296	K205030821	Lai Khiết	Nghi	K20503C	Khá	7.6	87	20	6,950,000
297	K205030822	Hồ Thị Ngọc	Nhi	K20503C	Khá	7.59	90	16	3,475,000
298	K205032189	Nguyễn Lệ	Hiền	K20503C	Khá	7.56	89	16	3,475,000
299	K205032199	Mai Lê Tuyết	Nhi	K20503C	Khá	7.55	92	19	3,475,000



STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
300	K205030814	Phan Hoàng	Trung	K20503C	Khá	7.54	88	14	3,475,000
301	K205032185	Lê Thị Quỳnh	Chi	K20503C	Khá	7.47	87	19	3,475,000
302	K205040844	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	K20504C	Giỏi	8.47	95	18	13,900,000
303	K205042263	Lê Việt	Hà	K20504C	Giỏi	8.39	93	18	6,950,000
304	K205042269	Phan Thu	Ngân	K20504C	Giỏi	8.31	87	16	6,950,000
305	K205042276	Đinh Thị Thanh	Thoa	K20504C	Giỏi	8.19	83	18	3,475,000
306	K205040842	Nguyễn Hải	Quân	K20504C	Giỏi	8.13	84	16	3,475,000
307	K205042274	Hồ Ngọc	Quỳnh	K20504C	Giỏi	8.06	92	18	3,475,000
308	K214010058	Trần Nhật	Tân	K21401C	Xuất sắc	9.22	93	18	14,900,000
309	K214011431	Phạm Thu	Phương	K21401C	Xuất sắc	9.03	94	18	7,450,000
310	K214010071	Đỗ Nguyễn Khánh	Vân	K21401C	Xuất sắc	9.03	91	18	7,450,000
311	K214010064	Đỗ Thị Thủy	Tiên	K21401C	Xuất sắc	9	92	18	3,725,000
312	K214011423	Lưu Vũ	Bảo	K21401C	Giỏi	8.91	89	23	3,725,000
313	K214011425	Phạm Thanh	Lan	K21401C	Giỏi	8.86	85	18	3,725,000
314	K214010046	Đỗ Thị Ánh	Dương	K21401C	Giỏi	8.25	85	20	3,725,000
315	K214010055	Trần Minh	Nhật	K21401C	Giỏi	8.23	87	20	3,725,000
316	K214011214	Trần Khánh	Nhi	K21401C	Giỏi	8.18	92	20	3,725,000
317	K214011437	Vũ Thái Bình	Trang	K21401C	Giỏi	8.15	85	23	3,725,000
318	K214011439	Ngô Thúy	Vy	K21401C	Khá	7.9	80	25	3,725,000
319	K214020137	Phạm Ngọc Trí	Nhân	K214021C	Giỏi	8.75	85	20	14,900,000
320	K214020120	Lê Nhật	Duyên	K214021C	Giỏi	8.63	89	19	7,450,000
321	K214020156	Trần Thị Ái	Vân	K214021C	Giỏi	8.58	87	33	7,450,000
322	K214020153	Đào Thị Mai	Trình	K214021C	Giỏi	8.55	85	20	3,725,000
323	K214020118	Nguyễn Thị Quang	Cầm	K214021C	Giỏi	8.55	85	20	3,725,000
324	K214020150	Võ Thị Bích	Trâm	K214021C	Giỏi	8.53	87	20	3,725,000
325	K214020157	Nguyễn Ngọc Thanh	Vi	K214021C	Giỏi	8.53	86	20	3,725,000
326	K214020155	Võ Trần Phương	Uyên	K214021C	Giỏi	8.5	87	18	3,725,000
327	K214020130	Đinh Xuân	Mai	K214021C	Giỏi	8.44	89	18	3,725,000
328	K214020129	Trần Phương	Linh	K214021C	Giỏi	8.43	85	20	3,725,000
329	K214021229	Bùi Nguyễn Yên	Vy	K214022C	Giỏi	8.68	90	20	14,900,000
330	K214021484	Trần Bội	Ngọc	K214022C	Giỏi	8.5	90	20	7,450,000
331	K214021481	Trần Huỳnh Anh	Kiệt	K214022C	Giỏi	8.5	89	20	7,450,000
332	K214021487	Trần Thị	Thảo	K214022C	Giỏi	8.38	90	20	3,725,000
333	K214021486	Đỗ Nguyễn Thanh	Tâm	K214022C	Giỏi	8.3	86	22	3,725,000
334	K214021374	Võ Trần Ngọc	Hân	K214022C	Giỏi	8.3	86	20	3,725,000
335	K214031565	Phạm Việt	Khoa	K21403C	Giỏi	8.37	87	27	14,900,000
336	K214031574	Vũ Hải	Phượng	K21403C	Giỏi	8.3	87	23	7,450,000
337	K214031581	Phạm Trần Thiên	Trúc	K21403C	Giỏi	8.3	87	20	7,450,000
338	K214031236	Phạm Hoàng	Phong	K21403C	Giỏi	8.15	86	24	3,725,000
339	K214031561	Vũ Cao Hoàng	Hậu	K21403C	Khá	7.91	84	27	3,725,000
340	K214030219	Lương Thị Mỹ	Duyên	K21403C	Khá	7.91	83	22	3,725,000
341	K214030223	Trần Minh Khánh	Nghĩa	K21403C	Khá	7.85	80	23	3,725,000
342	K214040306	Trịnh Thu Nguyệt	Minh	K21404C	Giỏi	8.6	85	20	14,900,000
343	K214040302	Hứa Vũ Ngân	Hà	K21404C	Giỏi	8.57	88	23	7,450,000
344	K214041632	Hồ Thị Hồng	Nhung	K21404C	Giỏi	8.28	87	20	7,450,000
345	K214041638	Nguyễn Quốc	Việt	K21404C	Giỏi	8.19	95	18	3,725,000
346	K214040311	Lương Hoài	Tâm	K21404C	Giỏi	8.08	84	18	3,725,000
347	K214040300	Phạm Cao Kiều	Diễm	K21404C	Giỏi	8.04	87	25	3,725,000
348	K214040310	Nguyễn Huỳnh Như	Phương	K21404C	Giỏi	8	86	18	3,725,000
349	K214050377	Nguyễn Phạm Minh	Trang	K21405C	Giỏi	8.84	87	19	14,900,000
350	K214050365	Phạm Thị Ánh	Hồng	K21405C	Giỏi	8.74	81	19	7,450,000

Handwritten signature/initials in blue ink.

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
351	K214050371	Bùi Ngọc	Tân	K21405C	Giỏi	8.53	81	19	7,450,000
352	K214050381	Ngô Trần Như	Ý	K21405C	Giỏi	8.5	83	19	3,725,000
353	K214050378	Nguyễn Thị Minh	Tú	K21405C	Giỏi	8.48	81	23	3,725,000
354	K214051685	Lê Nguyễn Nhật	Hằng	K21405C	Giỏi	8.44	83	24	3,725,000
355	K214050380	Trần Thảo	Vy	K21405C	Giỏi	8.42	85	24	3,725,000
356	K214050369	Phạm Thị Kiều	Oanh	K21405C	Giỏi	8.29	82	24	3,725,000
357	K214051683	Lê Thị Thùy	An	K21405C	Giỏi	8.29	82	24	3,725,000
358	K214061268	Phan Ngọc Bảo	Tâm	K21406C	Giỏi	8.74	90	21	14,900,000
359	K214061758	Trương Diễm	Phúc	K21406C	Giỏi	8.73	85	22	7,450,000
360	K214060431	Phạm Nguyễn Thanh	Mai	K21406C	Giỏi	8.71	90	24	7,450,000
361	K214060427	Nguyễn Quang	Học	K21406C	Giỏi	8.66	86	16	3,725,000
362	K214061266	Nguyễn Việt Huỳnh	Nga	K21406C	Giỏi	8.48	87	21	3,725,000
363	K214060435	Nguyễn Thị Yến	Nhi	K21406C	Giỏi	8.45	92	22	3,725,000
364	K214060423	Lê Phụng	Các	K21406C	Giỏi	8.43	87	27	3,725,000
365	K214061756	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	K21406C	Giỏi	8.41	83	27	3,725,000
366	K214070508	Nguyễn Xuân	Trí	K21407C	Giỏi	8.61	80	19	14,900,000
367	K214071801	Phan Thị Quỳnh	Như	K21407C	Giỏi	8.5	85	21	7,450,000
368	K214070494	Nguyễn Thị Thương	Hoài	K21407C	Giỏi	8.5	84	19	7,450,000
369	K214070497	Ngô My	Na	K21407C	Giỏi	8.47	88	16	3,725,000
370	K214071795	Phạm Thị	Bé	K21407C	Giỏi	8.38	84	21	3,725,000
371	K214071802	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	K21407C	Giỏi	8.38	84	16	3,725,000
372	K214070495	Nguyễn Thu	Hương	K21407C	Giỏi	8.37	87	19	3,725,000
373	K214080571	Nguyễn Long Thùy	Hương	K21408C	Xuất sắc	9.4	91	20	14,900,000
374	K214080581	Nguyễn Thụy Vân	Phi	K21408C	Xuất sắc	9.25	92	22	7,450,000
375	K214080570	Đào Thị Huỳnh	Hương	K21408C	Giỏi	9.24	83	25	7,450,000
376	K214080585	Đậu Thị Hoài	Thương	K21408C	Giỏi	9.15	83	20	3,725,000
377	K214081288	Nguyễn Thùy	Dương	K21408C	Giỏi	9.04	82	25	3,725,000
378	K214081842	Phùng Thị Thùy	Linh	K21408C	Giỏi	8.88	80	25	3,725,000
379	K214080567	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	K21408C	Giỏi	8.35	84	20	3,725,000
380	K214080580	Đặng Phạm Thiên	Như	K21408C	Giỏi	8.3	82	20	3,725,000
381	K214081845	Lê Nguyễn Phương	Trình	K21408C	Giỏi	8.26	89	27	3,725,000
382	K214090655	Trần Thị Phương	Minh	K21409C	Giỏi	8.87	91	19	14,900,000
383	K214090656	Trần Võ Khánh	Ngân	K21409C	Giỏi	8.79	89	19	7,450,000
384	K214090660	Nguyễn Thị Phương	Thảo	K21409C	Giỏi	8.76	85	19	7,450,000
385	K214090649	Trần Thị Ngọc	Bích	K21409C	Giỏi	8.67	89	24	3,725,000
386	K214090666	Lê Võ Tường	Vy	K21409C	Giỏi	8.63	89	19	3,725,000
387	K214091894	Võ Thị Ngọc	Huyền	K21409C	Giỏi	8.45	89	19	3,725,000
388	K214090658	Lù Đỗ Minh	Như	K21409C	Giỏi	8.45	88	19	3,725,000
389	K214091901	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	K21409C	Giỏi	8.44	89	24	3,725,000
390	K214091297	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	K21409C	Giỏi	8.44	89	24	3,725,000
391	K214090663	Huỳnh Ngọc	Trúc	K21409C	Giỏi	8.37	95	19	3,725,000
392	K214100740	Nguyễn Hoàng Nhật	Huy	K21410C	Xuất sắc	9	93	19	14,900,000
393	K214100757	Trần Thị Ngọc	Thắm	K21410C	Giỏi	8.84	90	19	7,450,000
394	K214100755	Nguyễn Lan	Phương	K21410C	Giỏi	8.69	89	21	7,450,000
395	K214101315	Võ Thị Mai	Quỳnh	K21410C	Giỏi	8.66	89	19	3,725,000
396	K214100753	Nguyễn Thế	Phong	K21410C	Giỏi	8.63	94	19	3,725,000
397	K214100754	Nguyễn Lam	Phương	K21410C	Giỏi	8.58	86	19	3,725,000
398	K214101311	Dương Huy	Hoàng	K21410C	Giỏi	8.55	92	19	3,725,000
399	K214100746	Lê Thị Minh	Ngọc	K21410C	Giỏi	8.55	87	19	3,725,000
400	K214100745	Dương Phương	Ngân	K21410C	Giỏi	8.5	89	19	3,725,000
401	K214110849	Phạm Vũ Trúc	Quỳnh	K21411C	Giỏi	8.96	93	24	14,900,000

Chữ ký

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
402	K214111265	LÊ GIA	QUYÊN	K21411C	Giỏi	8.73	80	22	7,450,000
403	K214111964	Trần Ngọc Bích	Trân	K21411C	Giỏi	8.46	85	28	7,450,000
404	K214110843	Lâm Mỹ	Ngọc	K21411C	Giỏi	8.41	86	23	3,725,000
405	K214111961	Nguyễn Uyên	Nhi	K21411C	Giỏi	8.41	84	22	3,725,000
406	K214111962	Lê Quang Thành	Tài	K21411C	Giỏi	8.4	89	24	3,725,000
407	K214111958	Vũ Tuấn	Kiệt	K21411C	Giỏi	8.4	88	24	3,725,000
408	K214111963	Nguyễn Thị	Thảo	K21411C	Giỏi	8.38	82	24	3,725,000
409	K214111965	Nguyễn Huyền	Trang	K21411C	Giỏi	8.36	80	25	3,725,000
410	K214132014	Lê Trần Lệ	Ngọc	K21413C	Giỏi	8.71	84	19	14,900,000
411	K214132021	Nguyễn Thu	Trang	K21413C	Giỏi	8.2	97	22	7,450,000
412	K214132023	Lê Thị Kiều	Vy	K21413C	Giỏi	8.18	94	19	7,450,000
413	K214132022	Diệp Thị Ánh	Tuyết	K21413C	Giỏi	8.08	92	19	3,725,000
414	K214130923	Phan Yên	Nhi	K21413C	Giỏi	8.06	82	24	3,725,000
415	K214132020	Lưu Vũ Quỳnh	Trân	K21413C	Giỏi	8.04	86	24	3,725,000
416	K214132009	Nguyễn Đức Bảo	Lâm	K21413C	Khá	7.97	90	17	3,725,000
417	K214130915	Lê Thị Hoàng	Dung	K21413C	Khá	7.97	84	19	3,725,000
418	K214132019	Nguyễn Kim Hồng Cẩm	Tiên	K21413C	Khá	7.91	78	17	3,725,000
419	K214140938	Trần Thu	Hiên	K21414C	Giỏi	8.32	88	22	14,900,000
420	K214142102	Nguyễn Thị Kim	Ngân	K21414C	Giỏi	8.25	80	18	7,450,000
421	K214140944	Võ Quỳnh	My	K21414C	Giỏi	8.22	86	18	7,450,000
422	K214140945	Bùi Võ Kim	Ngân	K21414C	Giỏi	8.19	89	27	3,725,000
423	K214140940	Nguyễn Văn Tuấn	Kiệt	K21414C	Giỏi	8.19	82	18	3,725,000
424	K214140958	Lê Việt	Thy	K21414C	Giỏi	8.14	84	25	3,725,000
425	K214140961	Phạm Duy	Tùng	K21414C	Giỏi	8.13	87	27	3,725,000
426	K214140953	Trần Hạnh	Thảo	K21414C	Giỏi	8.13	82	20	3,725,000
427	K214142106	Nguyễn Thị Mai	Vàng	K21414C	Giỏi	8.1	83	25	3,725,000
428	K214160989	Trần Thị Minh	Hiên	K21416C	Giỏi	8.13	85	20	14,900,000
429	K214162150	Hoàng Trần Thế	Phúc	K21416C	Khá	7.92	75	24	7,450,000
430	K214162154	Nguyễn Thị Thu	Thảo	K21416C	Khá	7.88	82	24	7,450,000
431	K214162143	Trần Hoàng	Anh	K21416C	Khá	7.83	91	20	3,725,000
432	K214162153	Mai Thanh	Thảo	K21416C	Khá	7.78	85	27	3,725,000
433	K214162159	Lê Thị Bích	Vân	K21416C	Khá	7.64	81	22	3,725,000
434	K215012185	Phạm Thị Thu	Hà	K21501C	Giỏi	8.88	91	20	14,900,000
435	K215011060	Ngô Minh	Triết	K21501C	Giỏi	8.59	84	16	7,450,000
436	K215011055	Nguyễn Thị Kim	Phượng	K21501C	Giỏi	8.5	90	20	7,450,000
437	K215011051	Nguyễn Thanh	Mai	K21501C	Giỏi	8.4	90	20	3,725,000
438	K215011047	Trần Tú	Hào	K21501C	Giỏi	8.39	83	18	3,725,000
439	K215012196	Trương Hà Dạ	Thảo	K21501C	Giỏi	8.36	87	21	3,725,000
440	K215011044	Đặng Khánh	Duy	K21501C	Giỏi	8.3	94	20	3,725,000
441	K215011056	Trần Thị Nguyệt	Quý	K21501C	Giỏi	8.28	93	20	3,725,000
442	K215011059	Lưu Hà Bảo	Trân	K21501C	Giỏi	8.25	80	18	3,725,000
443	K215021099	Nguyễn Kim Khôi	Nguyên	K21502C	Giỏi	8.89	85	18	14,900,000
444	K215021093	Lương Hải	Huy	K21502C	Giỏi	8.86	84	18	7,450,000
445	K215021096	Vương Tấn	Lộc	K21502C	Giỏi	8.83	89	18	7,450,000
446	K215022243	Nguyễn Đặng Thảo	Nguyên	K21502C	Giỏi	8.47	80	18	3,725,000
447	K215022249	Lương Thị Thanh	Thảo	K21502C	Giỏi	8.31	87	21	3,725,000
448	K215022242	Lê Thị Kim	Ngân	K21502C	Giỏi	8.26	85	23	3,725,000
449	K215021102	Phạm Nguyễn Quỳnh	Như	K21502C	Giỏi	8.19	90	18	3,725,000
450	K215032305	Võ Thị Tuyết	Quỳnh	K21503C	Giỏi	8.28	89	23	14,900,000
451	K215032290	Trần Trung	Hiếu	K21503C	Khá	7.83	83	18	7,450,000
452	K215031146	Hồ Hoàng Thu	Lê	K21503C	Khá	7.81	83	16	7,450,000

Handwritten signature and stamp

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
453	K215031137	Phạm Khánh	An	K21503C	Khá	7.64	85	18	3,725,000
454	K215032304	Hoàng Diễm	Quỳnh	K21503C	Khá	7.53	80	18	3,725,000
455	K215032301	Lê Quỳnh	Như	K21503C	Khá	7.43	74	23	3,725,000
456	K215031154	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	K21503C	Khá	7.34	81	16	3,725,000
457	K215032307	Huỳnh Hoàng	Thuận	K21503C	Khá	7.28	87	18	3,725,000
458	K215041201	Đinh Nguyễn Hạ	Vy	K21504C	Giỏi	8.13	87	20	14,900,000
459	K215042379	Nguyễn Cao Minh	Thoại	K21504C	Giỏi	8.13	81	16	7,450,000
460	K215042362	Hồ Nguyễn Kim	Anh	K21504C	Khá	7.9	87	20	7,450,000
461	K215042373	Trần Gia	Nghi	K21504C	Khá	7.78	86	25	3,725,000
462	K215042374	Văn Thanh	Ngọc	K21504C	Khá	7.68	87	25	3,725,000
463	K215042371	Nguyễn Thị Bảo	Khanh	K21504C	Khá	7.61	84	18	3,725,000

Tổng cộng 463 SV

2,682,100,000

Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu một trăm nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG P.TS&CTSV

TRƯỞNG P.TC

TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆP TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Cù Xuân Tiên

Lợi Minh Thanh

Hoàng Công Gia Khánh



**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG ANH)**

Ban hành kèm Quyết định số 355/QĐ-ĐHKTU ngày 27 tháng 3 năm 2023

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K184040539	Bùi Trần Minh	Thư	K18404CA	Giỏi	8.8	91	10	19,500,000
2	K184040534	Nguyễn Hồng Yến	Nhi	K18404CA	Giỏi	8.7	85	10	19,500,000
3	K184040547	Phan Hồ Hải	Yến	K18404CA	Giỏi	8.5	85	10	9,750,000
4	K184040519	Nguyễn Hải Tiểu	Hồng	K18404CA	Giỏi	8.4	90	10	9,750,000
5	K184040529	Trần Thị Phương	Nga	K18404CA	Giỏi	8.3	85	10	9,750,000
6	K184040542	Lê Hữu	Tuấn	K18404CA	Giỏi	8.3	85	10	4,875,000
7	K184040533	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	K18404CA	Giỏi	8.2	86	10	4,875,000
8	K184040541	Trần Đặng Thanh	Trúc	K18404CA	Giỏi	8.2	85	10	4,875,000
9	K184040538	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	K18404CA	Giỏi	8.2	81	10	4,875,000
10	K184040532	Dương Thị Bảo	Ngọc	K18404CA	Giỏi	8	90	10	4,875,000
11	K184050684	Vũ Thị Hồng	Minh	K18405CA	Giỏi	9.2	87	10	19,500,000
12	K184050703	Võ Châu	Yến	K18405CA	Giỏi	8.9	83	10	19,500,000
13	K184050688	Trần Thị Tuyết	Nhi	K18405CA	Giỏi	8.7	80	10	9,750,000
14	K184050683	Nguyễn Phương	Minh	K18405CA	Giỏi	8.5	80	10	9,750,000
15	K184050698	Mai Ngọc	Trình	K18405CA	Giỏi	8	82	10	9,750,000
16	K184050702	Lê Lan	Vy	K18405CA	Khá	9	68	10	4,875,000
17	K184050674	Trần Lan	Khánh	K18405CA	Khá	8.7	79	10	4,875,000
18	K184050689	Nguyễn Hữu	Phước	K18405CA	Khá	8.5	77	10	4,875,000
19	K184050678	Võ Thùy	Linh	K18405CA	Khá	8.5	69	10	4,875,000
20	K184050700	Võ Minh	Trường	K18405CA	Khá	8.3	70	10	4,875,000
21	K184050676	Lý Nguyễn Thảo	Linh	K18405CA	Khá	8.2	74	10	4,875,000
22	K184050666	Lâm Hoài Phương	An	K18405CA	Khá	7.43	75	14	9,750,000
23	K184081099	Nguyễn Thị Thùy	Dung	K18408CA	Giỏi	10	82	10	19,500,000
24	K184081101	Phan Thị Trà	Giang	K18408CA	Giỏi	10	80	10	19,500,000
25	K184081102	Trần Như	Hào	K18408CA	Giỏi	9.7	85	10	9,750,000
26	K184081111	Nguyễn Khánh	Linh	K18408CA	Giỏi	9.5	80	10	9,750,000
27	K184081131	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	K18408CA	Giỏi	8.2	82	10	9,750,000
28	K184081117	Lê Thị Ngọc	Ngân	K18408CA	Giỏi	8.1	80	10	4,875,000
29	K184081124	Mai Trần Thanh	Thanh	K18408CA	Khá	10	74	10	4,875,000
30	K184081113	Trương Quang	Long	K18408CA	Khá	8.8	66	10	4,875,000
31	K184081122	Võ Trần Mỹ	Quyên	K18408CA	Khá	8.3	73	10	4,875,000
32	K184081125	Lê Nhật	Thảo	K18408CA	Khá	8.29	71	14	9,750,000
33	K184081104	Nguyễn Thị Mai	Hương	K18408CA	Khá	8.2	78	10	4,875,000
34	K184081121	Nguyễn Thị Vân	Oanh	K18408CA	Khá	7.8	70	10	4,875,000
35	K184081133	Nguyễn Thị Kim	Uyên	K18408CA	Khá	7.8	70	10	4,875,000
36	K184081103	Lê Quang	Huy	K18408CA	Khá	7.7	78	10	4,875,000
37	K194040599	Nguyễn Minh	Thành	K19404CA	Giỏi	8.81	94	18	19,500,000
38	K194040570	Nguyễn Tú	Anh	K19404CA	Giỏi	8.78	91	18	9,750,000
39	K194040605	Nguyễn Âu Minh	Tú	K19404CA	Giỏi	8.75	93	18	9,750,000
40	K194040608	Nguyễn Huỳnh Phương	Vy	K19404CA	Giỏi	8.72	96	18	4,875,000
41	K194040581	Ngô Ngọc	Huyền	K19404CA	Giỏi	8.72	93	18	4,875,000
42	K194040569	Nguyễn Thị Minh	Anh	K19404CA	Giỏi	8.69	84	18	4,875,000
43	K194050762	Phan Huệ	Nhi	K19405CA	Khá	7.63	88	16	9,750,000
44	K194050761	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	K19405CA	Khá	7.5	91	19	9,750,000

45	K194050770	Nguyễn Trần Thảo	Vy	K19405CA	Khá	7.38	88	16	4,875,000
46	K194050752	Nguyễn Khánh	Linh	K19405CA	Khá	7.25	88	16	4,875,000
47	K194050754	Lê Kim	Minh	K19405CA	Khá	7.13	92	16	4,875,000
48	K194050744	Nguyễn Lê Cẩm	Hà	K19405CA	Khá	7.13	89	16	4,875,000
49	K194050759	Dương Quỳnh Yên	Nhi	K19405CA	Khá	7.13	83	16	4,875,000
50	K194071006	Trịnh Lan	Anh	K19407CA	Xuất sắc	9.2	99	15	19,500,000
51	K194071025	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	K19407CA	Xuất sắc	9.2	93	15	9,750,000
52	K194071029	Nguyễn Nam	Phúc	K19407CA	Giỏi	8.8	92	15	9,750,000
53	K194071005	Nguyễn Thị Lan	Anh	K19407CA	Giỏi	8.7	97	15	4,875,000
54	K194071013	Đào Trọng	Giang	K19407CA	Giỏi	8.7	93	15	4,875,000
55	K194071016	Nguyễn Thị Như	Hào	K19407CA	Giỏi	8.7	83	15	4,875,000
56	K194071022	Đoàn Thảo Quỳnh	My	K19407CA	Giỏi	8.6	90	15	4,875,000
57	K194081214	Vũ Nguyễn Mạnh	Cường	K19408CA	Xuất sắc	9	96	20	19,500,000
58	K194081222	Trần Thị Thanh	Ngân	K19408CA	Xuất sắc	9	95	20	9,750,000
59	K194081226	Cao Mẫn	Nhi	K19408CA	Xuất sắc	9	95	20	9,750,000
60	K194081219	Hà Thế	Hoàng	K19408CA	Giỏi	8.7	84	20	4,875,000
61	K194081244	Nguyễn Trương Huyền	Trâm	K19408CA	Giỏi	8.7	83	20	4,875,000
62	K194081210	Lê Tuấn	Anh	K19408CA	Giỏi	8.6	91	20	4,875,000
63	K194081242	Đỗ Ngọc Huyền	Trang	K19408CA	Giỏi	8.6	88	20	4,875,000
64	K204041284	Phan Anh	Tuấn	K20404CA	Giỏi	8.86	86	21	23,150,000
65	K204040237	Nguyễn Phan Gia	Hân	K20404CA	Giỏi	8.75	88	16	11,575,000
66	K204041283	Lê Minh	Trân	K20404CA	Giỏi	8.66	87	19	11,575,000
67	K204040241	Bùi Quốc	Việt	K20404CA	Giỏi	8.5	89	16	5,787,500
68	K204041282	Trịnh Thụy Ái	Trâm	K20404CA	Giỏi	8.38	91	16	5,787,500
69	K204050277	Nguyễn Ngọc	Ninh	K20405CA	Giỏi	9.29	87	21	23,150,000
70	K204051372	Phan Triệu	Mẫn	K20405CA	Giỏi	8.67	87	18	11,575,000
71	K204051380	Đoàn Trung	Son	K20405CA	Giỏi	8.11	86	18	11,575,000
72	K204051368	Chu Gia	Hân	K20405CA	Giỏi	8.1	90	20	5,787,500
73	K204051373	Nguyễn Thanh	Ngân	K20405CA	Giỏi	8	89	16	5,787,500
74	K204041278	Đặng Thái	Son	K20405CA	Giỏi	8	86	16	5,787,500
75	K204071551	Đặng Dương Như	Ý	K20407CA	Giỏi	8.88	94	16	23,150,000
76	K204071542	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	K20407CA	Giỏi	8.8	92	22	11,575,000
77	K204071523	Nguyễn Yên	Bình	K20407CA	Giỏi	8.76	85	19	11,575,000
78	K204070365	Nguyễn Võ Bảo	Ngọc	K20407CA	Giỏi	8.74	87	19	5,787,500
79	K204071527	Lăng Kim	Hoàng	K20407CA	Giỏi	8.46	89	27	5,787,500
80	K204071539	Trương Thị Minh	Ngọc	K20407CA	Giỏi	8.22	88	18	5,787,500
81	K204070363	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	K20407CA	Giỏi	8.2	92	22	5,787,500
82	K204081629	Huỳnh Thanh	Uyên	K20408CA	Giỏi	9.5	88	16	23,150,000
83	K204080434	Trần Khánh	Huyền	K20408CA	Giỏi	9.13	86	16	11,575,000
84	K204080451	Lê Phạm Thảo	Vy	K20408CA	Giỏi	9	81	18	11,575,000
85	K204080455	Trần Thảo	Vy	K20408CA	Giỏi	8.88	86	16	5,787,500
86	K204081631	Nguyễn Thị Thanh	Vy	K20408CA	Giỏi	8.83	82	18	5,787,500
87	K204081622	Nguyễn Minh Đăng	Khoa	K20408CA	Giỏi	8.63	85	16	5,787,500
88	K204080444	Nguyễn Phạm Hiền	Thảo	K20408CA	Giỏi	8.44	80	18	5,787,500
89	K204081628	Trần Quang	Trường	K20408CA	Giỏi	8.25	82	16	5,787,500
90	K214020180	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	K21402CA	Giỏi	8.85	97	17	23,150,000
91	K214020170	Hoàng Nguyễn Châu	Anh	K21402CA	Giỏi	8.77	89	15	11,575,000
92	K214020183	Lê Phương	Thảo	K21402CA	Giỏi	8.76	94	17	11,575,000
93	K214020177	Lộc Hà	My	K21402CA	Giỏi	8.67	92	15	5,787,500
94	K214020172	Trần Phạm Anh	Duy	K21402CA	Giỏi	8.67	84	15	5,787,500
95	K214041650	Lê Nguyễn Phương	Nghi	K21404CA	Giỏi	8.38	83	16	23,150,000
96	K214041654	Hoàng Thanh	Thảo	K21404CA	Giỏi	8.33	86	15	11,575,000
97	K214041247	Nguyễn Hà	My	K21404CA	Giỏi	8.27	87	15	11,575,000

THA
RUC
AIH
ITET

Ch
nh

98	K214040319	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	K21404CA	Giỏi	8.25	84	18	5,787,500
99	K214040330	Nguyễn Toàn	Nam	K21404CA	Giỏi	8.17	83	15	5,787,500
100	K214051715	Trương Lê Mai	Khanh	K21405CA	Giỏi	8.27	88	15	23,150,000
101	K214050386	Nguyễn Ngọc	Nhiên	K21405CA	Khá	7.83	81	15	11,575,000
102	K214051718	Lê Trần Bảo	Ngân	K21405CA	Khá	7.5	86	15	11,575,000
103	K214050383	Phạm Thanh	Hùng	K21405CA	Khá	7.4	86	15	5,787,500
104	K214051712	Nguyễn Thị Nhật	Hạ	K21405CA	Khá	7.4	84	15	5,787,500
105	K214051727	Nguyễn Đức	Trung	K21405CA	Khá	7.37	89	15	5,787,500
106	K214071277	Huỳnh Thị Hoàng	Thương	K21407CA	Giỏi	8.33	81	15	23,150,000
107	K214071818	Trần Sử Minh	Tài	K21407CA	Giỏi	8.13	86	15	11,575,000
108	K214071819	Phạm Ngô Xuân	Thành	K21407CA	Giỏi	8.1	89	15	11,575,000
109	K214070511	Ngô Lê	Dương	K21407CA	Giỏi	8.07	86	15	5,787,500
110	K214070519	Lâm Yên	My	K21407CA	Giỏi	8.03	84	15	5,787,500
111	K214080601	Nguyễn Hà	Phương	K21408CA	Giỏi	8.94	82	17	23,150,000
112	K214081858	Lê Thanh	Mai	K21408CA	Giỏi	8.91	91	17	11,575,000
113	K214080593	Lê Ngọc Nhật	Hà	K21408CA	Giỏi	8.8	83	15	11,575,000
114	K214080602	Phan Uyên	Phương	K21408CA	Giỏi	8.73	86	15	5,787,500
115	K214081856	Ngô Thị Mai	Linh	K21408CA	Giỏi	8.63	88	15	5,787,500
116	K214080605	Võ Đức	Thái	K21408CA	Giỏi	8.59	86	17	5,787,500
117	K214100772	Nguyễn Hoàng Thảo	Ngân	K21410CA	Giỏi	8.37	93	15	23,150,000
118	K214101930	Lê Hà Kiều	Anh	K21410CA	Giỏi	8.27	84	15	11,575,000
119	K214100778	Uông Đức	Thuận	K21410CA	Giỏi	8.13	88	15	11,575,000
120	K214100781	Nguyễn Phương	Uyên	K21410CA	Giỏi	8.07	87	15	5,787,500
121	K214101937	Vũ Thị	Oanh	K21410CA	Giỏi	8.07	81	15	5,787,500
122	K214110872	Hoàng Khánh	Vân	K21411CA	Giỏi	8.91	89	23	23,150,000
123	K214110856	Lê Châu	Anh	K21411CA	Giỏi	8.78	90	23	11,575,000
124	K214111977	Trần Dương Thanh	Phong	K21411CA	Giỏi	8.5	90	23	11,575,000
125	K214111975	Nguyễn Trịnh Thảo	Nghi	K21411CA	Giỏi	8.24	87	23	5,787,500
126	K214111328	Đặng Bảo Uyên	Nhi	K21411CA	Giỏi	8.22	88	23	5,787,500
127	K214130930	Đoàn Quỳnh	Anh	K21413CA	Giỏi	8.3	84	15	23,150,000
128	K214132048	Nguyễn Thành	Tiến	K21413CA	Khá	7.47	84	15	11,575,000
129	K214132038	Mai Ý	Như	K21413CA	Khá	7.3	90	15	11,575,000
130	K214132035	Trần Thị Như	Nguyệt	K21413CA	Khá	7.3	86	15	5,787,500
131	K215032318	Nguyễn Đặng Trúc	Nhàn	K21503CA	Giỏi	8.18	92	20	23,150,000
132	K215031167	Huỳnh Anh	Tuyên	K21503CA	Khá	7.75	85	20	11,575,000
133	K215031165	Hà Thanh	Tuân	K21503CA	Khá	7.75	78	20	11,575,000
134	K215032320	Lâm Nguyệt Như	Thảo	K21503CA	Khá	7.43	85	20	5,787,500

Tổng cộng 134 SV

1,318,475,000

Bằng chữ: Một tỷ ba trăm mười tám triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG

TRƯỞNG P.TS&CTSV

TRƯỞNG P.TC

Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Cù Xuân Tiến

Lợi Minh Thanh



Hoàng Công Gia Khánh

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2021-2022 (LỚP CHẤT LƯỢNG CAO BẰNG TIẾNG PHÁP)**

Ban hành kèm Quyết định số 355/QĐ-ĐHKTL ngày 27 tháng 3 năm 2023

STT	MSSV	Họ	Tên	CTĐT	XLHB	ĐHT	ĐRL	TC	SỐ TIỀN HB
1	K195042317	Lê Trung	Hiếu	K19504CP	Giỏi	8.56	95	16	14,000,000
2	K205042284	Trương Kim	Hương	K20504CP	Giỏi	8.09	85	16	13,900,000
3	K205040847	Hồ Quốc	Hùng	K20504CP	Giỏi	8.03	95	18	3,475,000
4	K215042392	Bùi Dương Bảo	Như	K21504CP	Giỏi	8.09	88	16	14,900,000
5	K215041203	Nguyễn Thị Thùy	Giang	K21504CP	Khá	7.44	87	18	7,450,000

Tổng cộng 5 SV

53,725,000

Bằng chữ: Năm mươi ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn

TP.HCM, ngày 27 tháng 3 năm 2023

NGƯỜI LẬP BẢNG TRƯỞNG P.TS&CTSV

TRƯỞNG P.TC

TM. HỘI ĐỒNG XÉT DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Phương Thảo

Cù Xuân Tiến

Lợi Minh Thanh

Hoàng Công Gia Khánh